NĂM THỨ TƯ — Số 143 Thứ năm 25 Mai 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Địa vị hán học trong văn học ta — Hoa-Bằng
* Một quyển Võ-Tánh mới — Nguyễn-văn-Tố
* Tùy hứng : Thanh-niên — Thượng-tân-Thị
* Trả lời báo Thanh-niên về chữ « chẳng thà » — Ứng-Hòe
* Phương pháp viết sử của Lê-quý Đôn — Tiêu-Đàm
* Đại-nam đặt-sự (XXXI): Thái-Tập và Thái-Kinh — Ứng-Hòe
* Vấn đề nhất thống tiếng Việt — Phiên-Thức
* Những ông nghè triều Lê (LXXXII) — Nguyễn-văn-Tố
* Bản sách dẫn về Đại-nam liệt-chuyện — Lê-văn-Phúc
* Tuồng hát Việt-nam (II) — Hoàng-thiếu-Sơn
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXV) — Chu-Thiên

0$40

ĐỊA VỊ HÁN HỌC

TRONG VĂN HỌC TA

HOA-BẰNG

TỪ hồi tháng sáu, 1867, sau khi Phan-Thanh-Giản dốc cạn chén thuốc độc, người mình như tỉnh một giấc mơ màng, ngơ-ngác nhìn quanh, thấy hết thảy mọi phương-diện đều thua kém người cả!

Rồi hùa nhau qui tội cho hán-học, đổ lỗi cho sách vở chữ nho.

Khoảng năm 1907-1908, phong trào duy-tân nổi dậy khắp nước. Người ta, một mặt, cổ-động tân-học, một mặt, hết sức bài xích chữ nho. Chẳng thế, ông Lê-Văn-Phát, ở hồi ấy, đã nảy những ý nghĩ táo-bạo này trong bài diễn-văn của ông: «...*Cái chủ ý của tôi là chỉ muốn khẩn-khoản xin nhà nước đừng có ép người An-nam chúng tôi học chữ nho làm gì nữa, đừng có đặt cái khoản học chữ nho vào chương trình trong các trường học nhà nước nữa...*» (1)

Quả năm 1915, ở Bắc-kỳ, và năm 1918, ở Trung-kỳ, thi Hương bị bãi, sĩ-tử chung-hửng ngó nhau bằng con mắt tiếc rẻ: « Thế là kết liễu khoa-cử! Thế là tàn cục văn-chương! »

Rồi, không ai bảo ai, người ta gác ông quyền, bỏ gọng lều, hùa con em trút bỏ bộ áo anh đồ, hùi đầu, đội mũ, xoay cầm bút sắt, nhắm theo cái đích đi học để làm ông phán, ông thông, ông tham, ông đốc...

Sau khi nhờ « thang » tân học, trèo được lên cái « lâu-đài » phú-quí, người ta không những rẻ-rúng chữ nho, coi sách chữ nho là vật vô dụng, chỉ đáng bỏ lại, xếp lên « gác cao » hay là chứa vào nhà bảo-tàng đồ cổ, mà quá hơn nữa, có khi người ta còn muốn quét sạch đi, bán nó cho những hàng đồi sách cũ để dùng vào những việc như bồi lọng, bồi sư-tử, bồi đầu rồng, phất quạt, dán vôi giấy, v.v.

Phản động lại những thói bội-bạc, tàn-nhẫn ấy của người đời, nhiều nhà văn ta đã lên tiếng hô-hào bằng giọng thiết-tha khẩn-khoản: Lợi dụng hán-học! sưu-tầm thập-nhập những sách chữ nho để nhặt lượm lấy những tài-liệu về văn-học, sử-học...

Họ đã làm được một việc hợp thời.

Vậy, nay tôi cùng các bạn thử xét qua cái địa-vị hán-học trong văn-học ta.

1°) Hán-học có quan-hệ mật-thiết đến lịch sử dân tộc ta.— Kể từ hồi Triệu Đà thoát-ly chính quốc, lập nước Nam-việt qua mấy nhà thứ mục người Tàu như Nhâm-Diên, Tích Quang, Sĩ Nhiếp cho tới đời Ngô (939-167) dựng nền độc-lập, hán-học càng ngày càng đâm rễ vững nền giữa dân-tộc Đại-Việt này. Cho nên trải mấy nghìn năm nay người mình vẫn công nhận chữ nho là « chữ ta » trước khi có chữ quốc-ngữ. Một thứ chữ, trước hồi tiếp-xúc Âu-tây, trên từ Triều-đình, dưới đến dân-dã, đã thông dụng trong công-văn, tư-khế, trường học, bài thi như thế, thì đủ biết cái địa-vị, cái thế-lực, cái ảnh-hưởng của nó đối với người mình là thế nào.

Cấp-tiến như ông Nguyễn-Văn-Vĩnh, thế mà đương hồi thanh niên, ông cũng phải « hàng phục » nho-học khi đọc một bài diễn-văn cổ-động về việc dịch sách, ngày août 1907, tại hội-quán Trí-trí, Hà-nội:

«... *Còn như sách nho, vốn đạo Nho là gốc cách ăn ở, gốc phong lục nước mình, ta nên giữ lấy, vì trước khi bỏ một đạo hẳng phải có sẵn đạo khác hay hơn mà thế vào đã! Vả sửa lại thì sửa chớ việc chi phải bỏ đạo Nho là đạo thực hay: Kia như sách nho đã có mấy nghìn năm nay mà ẩn những ý mới Âu-châu bây giờ cũng nhiều ý không ra ngoài tứ thư ngũ kinh. Sách thì hay nhưng học không hay cũng chỉ vì vụng học. Giá bây giờ dịch ra tiếng nôm, mỗi bài chính văn lại lấy nhời nhẽ nôm mình mà bàn cho khắp vào thực sự thì có nhẽ hay...*»

2°) Chữ nho có liên-lạc khăng-khít đến việc viết báo, làm sách quốc-ngữ.— Một khi chữ nho nhập-tịch quốc văn, thành ra thứ tiếng việt-hoá, tức là thứ tiếng hán-việt đó. Cái lẽ

英雄 : Tàu đọc là *ing hiông* ; khi nhập-tịch quốc-văn thì ta đọc là *anh - hùng*, chứ không ta *ing hiông* ;

時間 : Tàu đọc là *chê kiên* ; khi việt-hóa rồi thì là *thời - gian*, chứ không là *chê kiên* nữa ;

印象 : Khi đã áp-dụng vào quốc-văn thì nó là *ấn-tượng* (impression) chứ không như Tàu đọc là *in siáng* nữa,

vân vân.

Nhờ được sự thuận tiện tự-nhiên ấy, ta cứ việc tha hồ nhặt dùng những tiếng hán-việt mỗi khi cần đến để viết hoặc dịch cái môn-bộ học-thuật.

Vì có cái may-mắn này, ta chẳng những sử-dụng được những tiếng hán-văn như *đạo-đức*, *luân-lý học-vấn*, *nghĩa-lý*, *nhân-từ*, v.v., mà lại sẽ có thể lợi dụng được cả những tiếng mới của hòa văn qua hán-văn nữa, chẳng hạn như : *phán tri* (phán đoán mà biết), *châu - thức hội - xã* (hợp cổ công-ti), *mẫn cảm* (cảm-giác mẫn - nhuệ, hoặc cảm - giác quá nhanh), *lục hoa* (huyết), *vô bút* (người không biết viết chữ), *sơn phục* (người tu-hành), *ly duyên* (để bỏ vợ, ly-dị vợ), *mật phu* (chồng ngoại tình), *mật thê* (vợ ngoại tình), v.v.

Có điều cần là, nếu ta giỏi văn hán, thông chữ nho, thì mới có thể dùng được cái lợi-khí ấy. Trái lại, nếu ta không hiểu biết hán học được đến nơi đến chốn, thì chẳng những không dùng nổi cái hay, cái tốt của người ta, mà lại chỉ tổ chuốc thêm cái lầm, cái dở vào quốc-văn nữa.

Cái bạn chẳng thấy đấy ư ? Trên mặt sách, báo quốc-văn bây giờ nhan nhản những tiếng hán-việt dùng sai, viết trật.

Vì không hiểu chữ « phục » theo nghĩa « thụ dược » hoặc « phục thuốc », nên người ta đã viết về tin ông Gandhi mắc chứng sốt rét rừng : « ...mới nay vẫn chưa được lành mạnh, và hiện đang do một nhà chuyên môn *phục* thuốc ». Chữ « phục » là tiếng thụ-động-từ. Cứ như câu đặt đó thì là thầy thuốc tự phục thuốc, chứ không phải là chữa thuốc hoặc điều-trị cho bịnh-nhân.

Lại vì người ta hiểu lầm chữ « tái bản » nên mới viết là « ...đã *tái bản rất nhiều lần* » khi nói về một cuốn sách kia. Nếu cuốn sách ấy đã được in lại rất nhiều lần thì không thể nói là « tái bản » được, vì tái-bản chỉ có nghĩa là « in lại lần thứ hai ». Bởi thế, hán văn có những tiếng khác nhau để phân-biệt từng lần in một :

sơ bản : in lần thứ nhất,
tái bản : in lần thứ hai,
tam bản : in lần thứ ba,
vân vân.

Như vậy, tỏ ra những nhà cầm bút ngày nay cần phải tinh-thông hán văn mới mong dùng đúng được những tiếng hán-việt khi viết quốc-văn.

3) Tiếng hán-việt là cái lợi-khí để dịch sách âu-tây và giới-thiệu tư-tưởng ngoại-lai. — Những nhà ức giả ngày nay ai cũng nhận rằng muốn truyền bá tư-tưởng ngoại-lai cần phải phiên dịch thật nhiều những sách hay của ngoại quốc. Nhưng muốn làm công việc này, nếu chỉ biết ròng một thứ tiếng pháp hay tiếng anh thì cũng chưa đủ, vì một khi làm đến công-việc phiên-dịch các sách ngoại quốc, ít ra cũng phải tinh-thông cả dương-văn lẫn hán-văn. Nên nhớ rằng, từ ngữ-khí đến cú-pháp, nếu ta nhất nhất rập theo lối hành-văn của tây-phương thì lắm khi làm cho bạng độc-giả không hiểu chữ tây rất khó lĩnh-hội.

Và nếu ta không có một cái vốn nho học khá-khá thì lắm khi gặp những danh-từ mới về triết-học, kinh-tế-học hoặc quốc-tế chính-trị học v. v. ta đến phải bỏ tay, không sao hạ bút mà dịch cho thật đúng được.

Một thí-dụ : một đoạn văn triết-học trong cuốn *L'Evolution créatrice* của Bergson mà ông Lê Chí-Thiệp dịch đây : « *Bản năng viên mãn là một năng-lực để lợi dụng, hơn nữa, để sanh-sản những cơ-quan dùng thay cho khí-cụ ; trí-tuệ hoàn-toàn là một năng-lực để chế-tạo và dùng những khí-cụ* » (*Tao-đàn tạp-chí*, số 12, ngày 16 septembre 1939).

Như vậy, dịch-giả ít ra cũng phải hiểu qua ý nghĩa những tiếng *bản-năng viên-mãn*, *năng-lực*, *khí-cụ* mới có thể áp dụng để dịch những tiếng trong ngôn văn như *instinct achevé*, *faculté*, *instruments*... đó.

***

Nói tóm, hơn lúc nào hết, lúc này chúng ta cần phải học thêm hán-văn để biết chữ nho cho thật thấu-triệt, bây giờ mới mong lợi-dụng được những tiếng hán-việt một cách đúng chắc để khỏi lầm mình lầm người trong khi tự mạng làm một tên lính của toán quân văn-hóa chân-chính.

Một kỳ sau, tôi sẽ nói đến vấn-đề : những người không tinh-thông hán văn có nên chăng biên-khảo những vấn đề như văn-học, sử-học, triết-học đông - phương qua các dịch - phẩm bằng pháp-văn hoặc quốc-văn của người khác.

HOA-BẰNG

1) *Trích Đại-Việt tân báo, số 187 ngày 12 janvier 1908, trang 14-15.*

MỘT QUYỂN VÕ TÁNH MỚI

Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Mới rồi, *Đại-Việt tạp-chí*, số 34-35-36 (1er Mars 1944 — 1er Mars 1944 — 1er Avril 1944) có ra một quyển sách đề là *Hoài quốc-công Võ-Tánh, tiểu sử (tùy bút phê bình)* của cụ Biểu-chánh Hồ-văn-Trung soạn ra, dầy 89 trang, khổ giấy 14 × 20, trong có sáu bức ảnh về mộ và miếu thờ Hoài quốc-công.

Tác-giả tìm-tòi lượm-nhặt được nhiều tài-liệu, xếp-đặt lần lượt rõ-ràng, phê-bình nhiều câu đích-đáng; thật là một quyển sách có giá-trị mà đầy-đủ hơn hết, khiến cho ai ai cũng phải nhớ đến một vị khai-quốc công-thần, vì nước quyên sinh.

Tôi chắc rằng quyển *Võ-Tánh* này được hoan-nghênh nhiều, chẳng bao lâu sẽ tái-bản; nên tôi có vài điều muốn bàn cùng tác-giả, nếu tác-giả cho là phải, thì bài này cũng giúp ích cho việc cải-chánh được đôi chút.

Tác-giả dùng chữ nho nhiều quá, như trang 38 có câu « Vua nhập thành chiêu an, phủ ủy sĩ tốt », nên đổi là vua vào thành chiêu an, vỗ-về quân lính. Chữ nho trong truyện Võ Tánh, ở bộ *Đại-Nam liệt-truyện* (sơ tập, quyển 6, tờ 9 a) không có chữ « chiêu an ». Cũng trang 38, có chữ « hậu táng », nên đổi là chôn cất tử-tế. Trang 52 có chữ « phục độc dược » đổi là uống thuốc độc và chữ « coi tẫn hậm và tổng tán », đổi là coi việc khâm-liệm và đưa đi. Trang 66, có chữ « công chúa hoàn » nên đổi là công chúa mất. Cũng trang có chữ « vì đái đọa nên bị cách », hai chữ « đái đọa » nên đổi là lười biếng. Trang 56 có chữ : « giám thủ phụng tự » có thể đổi là coi giữ thờ cúng. Trang 63, có câu : « Con của bà Từ-phi Nguyễn thị sanh », nên đổi là « Con của bà Từ-phi họ Nguyễn sanh ra », thì mới rõ, mà nghe khỏi nhầm. Chính chữ nho cũng chép « Nguyễn thị *sở sanh* (*Đại-Nam liệt-truyện*, q. 3, tờ 4 a). Trang 66, có câu « ... đội qua Hỗ-oai Hậu-vệ, thú Thanh-Ba », ba chữ « thú Thanh-Ba », nên viết là đem quân ra giữ biên-thùy ở Thanh-ba.

Có câu dịch chữ nho không rõ nghĩa, như trang 34 câu : « Nguyên-Soái là vua thứ nhì trong nước... », chữ nho là « Soái-phủ quốc chi chữ-nhị » (*Đại-Nam liệt truyện*, sơ tập q. 6, tờ 7 a) chữ « chữ nhị », *Từ-nguyên* cho đồng nghĩa với « chữ phó », « chữ phó » cũng như « Thái-tử » : thế thì ba chữ « vua thứ nhì » không đúng, nên đổi là « Nguyên-soái là ngôi thái-tử trong nước ». Cũng trang ấy có câu : « ... há còn gọi được nhà có con biết cạn, nước có tôi biết giản sao ? », tuy là đúng chữ nho, nhưng nghe không rõ, nên đổi là « thì sao gọi được là nhà có con biết cạn cha, nước có tôi biết cạn vua ? » Lại câu : « Võ-Tánh đã được thân với nhà vua... », nguyên chữ nho là Tánh kỳ thân qui... » (*Đại-Nam liệt-truyện*, q. 6, tờ 7 b) : Võ-Tánh đã là bậc thân qui, thân là, lấy công chúa, qui là làm quan to, hai chữ « thân qui » nên dùng chữ nho có nghĩa là « được thân với nhà vua », thì có thể lẫn được, mà lại thiếu nghĩa.

Có vài chữ in nhầm, như trang 56 có chữ « ý Trung-hiệt », chữ « uý », ấy, chính là chữ « thụy » *Đại-nam liệt truyện* q. 6, tờ 16 a). Trang 66 có chữ « Nhu-gia thái-trưởng quận-chúa ». *Đại-Nam liệt truyện* (q. 3, tờ 4 a) chép là « Nhu-gia thái-trưởng công-chúa » : chữ « quận » nhầm, v. v.

Có chữ dùng sai nghĩa, như trang 38 có câu « Ông dẫn binh vừa tới Ca-đáo thì tư bề có giặc Phủ vây ». Lê-văn-Ứng làm chức thái-phó của Tây-sơn, quân chúa Nguyễn đón đánh, « tư bề có giặc » tức là Võ-Tánh, Nguyễn-đức-Xuyên và Lê-chất đến vây Lê-văn-Ứng : thế thì chữ « giặc » nhầm. Nguyên đoạn chữ nho ở *Đại-Nam liệt truyện* (q. 6, tờ 9 a) nghĩa như sau này : « Quân ta đến vây thành Qui-nhơn, Võ-Tánh sai đem quân các đạo đến cứu. Thái-phó của giặc là Lê-văn-Ứng ra thành nước vòng đi đến Tây-sơn, thu vận quân lương, làm kế ý giác. Võ Tánh sai Nguyễn-đức-Xuyên đi đường tả, Lê-Chất đi đường hữu, tự đem trung-đạo, đón đánh Lê-văn-Ứng ở Ca-đáo, bắt sống được 6.000 quân và 50 con voi », v. v.

Trên này là nói về tiểu sử. Bây giờ nói đến bài văn-tế của Đặng-đức-Siêu mà tác-giả sao lục dưới tập tiểu-sử xét ra cũng có vài chữ khác. Tôi cứ bản sao của trường Bác-cổ mà so (Quốc-văn tùng ký, A B 383, tờ 26 a-b): chữ « từng trả », chép là « từng giải » phải hơn, vì chữ « từng giải dạ trung thành » là một hơi, cũng như « phơi gan giãi mật »: nên đọc là « trải » thì phải đọc « gian nan từng trải », dừng hơi, rồi mới đọc « dạ trung thành », và không đối với vế dưới. Câu « Điên-bái chẳng sai lòng tiết-nghĩa », bản nôm chép là « Điên-bái dám lay lòng tiết-nghĩa »: kể cũng giống nhau, nhưng chữ « dám lay » hay hơn. Câu « Chí tiêm-cừu đành trải xuống ba quân »: chữ « trải » ấy, bản nôm cũng viết là « giãi ». Câu « Cối Phú-xuân một trận khét oai trời »: chữ « khét » bản nôm chép là « thét », cùng nghĩa, nhưng « thét » là tiếng cổ, hay hơn. Câu « Há rằng ngại một phen thủy thạch »: chữ « thủy », bản nôm chép chữ « thỉ » là « tên », đúng hơn. Câu cuối cùng: « Sắp mao việt để mở nên bình-trị »: chữ « Sắp » bản nôm chép là « xếp », phải nghĩa hơn, vì xếp là cất đi, giặc tan thì cất khí-giới đi, nếu « sắp » thì là sắp hàng: sắp hàng là còn phải ra trận, thì bình-trị sao được?

Mấy chữ tôi bàn trên này không lấy gì làm hệ-trọng, sở dĩ nói ra đây là để góp vào việc tái-bản, và để độc-giả biết rằng vì sách hay, nên tôi xem kỹ. Trên kia tôi có nói tác-giả dã ra công tìm-kiếm tài-liệu, tôi dám chắc rằng ai đọc xong cũng tưởng-tượng cuốn sách của cụ Hồ-Biểu-Chánh như một thứ đài kỷ-niệm dựng lên để sùng-bái một vị anh hùng cứu-quốc, ai đọc xong cũng phải cảm ơn tác-giả đã làm rạng cái lòng nghĩa-khí và cái chí tinh trung của Hoài-quốc-công là một bậc anh-kiệt có tiếng lừng-lẫy trong lịch-sử và đáng làm gương cho muôn đời.

Ứng-hoè
NGUYỄN-VĂN-TỐ

THANH NIÊN

I

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi
Tết đến chồng thêm tuổi nữa rồi.
Nợ nước ơn nhà hai gánh nặng
Sao đây? cho trọn nghĩa đền bồi.

II

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Lượn sóng đua tranh nó dập dồi.
Từ Mỹ, sang Âu, sang tới Á.
Ai khôn thì vững, dại thì trôi.

III

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Đạo cả tu thân trước phải nhồi.
Trong với gia đình, ngoài xã hội.
Nâng cao phẩm cách cả và đôi.

IV

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Đời mỉa-mai cho lắm sự tồi.
Luân lý tinh thần trong sạch hết.
Chỉ còn dạng dạng đính ngoài môi.

V

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Tan nát tim ta đã lắm rồi!
Mong mỏi ngày đêm gần hết kiếp,
Con đường tấn bộ vẫn xa xôi.

VI

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
May được lên cao chót vót ngồi,
Sung sướng đỉnh-chung là bực nhứt
Nên thương con đỏ, trẻ mồ côi.

VII

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Một nước, sâu dân khó nẩy chồi
Xe trước ngã rồi, sau phải tránh,
Điềm dơ bịa tạc dễ gì bôi.

VIII

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Hai chữ « Thanh niên » đáng trọng rồi.
Giữ một lòng ngay bền chí cả.
Đừng cho có tiếng « bạc như vôi ».

THƯỢNG TÂN-THI

TRẢ LỜI BÁO THANH NIÊN VỀ CHỮ « CHẲNG THÀ »

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tác-giả bài *Thấy đâu nói đó* mới trả lời trong báo *Thanh-niên* số 33, ngày 29 tháng tư tây vừa rồi, *Về chữ « thà » và « chẳng thà »* : không đoạn nào được rành rọt, đoạn nào cũng « lúng-túng như thợ vụng mất kim », — lại dẫn thiếu,— dịch sai,— và « kém thành-thực ».

Như trang 7, tác-giả dẫn một câu về chữ « ninh » ở tự-điển Génibrel (*Dictionnaire annamite français*, trang 490), nhưng lại bỏ, không dẫn chữ « chẳng thà » là chữ cần phải dẫn, vì là chữ đang xét nghĩa. Thế có phải là « kém thành-thực » không ? Nay tôi dẫn ra đây để độc-giả xem. Tự-vị Génibrel không chép chữ « chẳng thà » vào chữ « chẳng », chép vào chữ « tha » ở trang 802, vì chữ « thà » và « chẳng-thà » cùng một nghĩa, là « danh thế còn hơn » (plutôt ; plutôt... que de), không phải tách ra : « chẳng » là « không », « thà » là « danh-thế ». Tự-vị Génibrel thí dụ hai câu : « Thà không cho gặp buổi đầu thời thôi, Mieux eût valu qu'ils ne se fussent jamais rencontrés. Thà chết chẳng thà phạm sự gì thẹn thuồng xấu hổ, Plutôt mourir que de forfaire ». Câu thứ hai nghĩa thế nào, lát nữa tôi sẽ nói rõ ở dưới này. Bây giờ hãy kể một « cái lỗi kém thành-thực » của tác-giả mục *Thấy đâu nói đó* ở báo *Thanh-niên*.

Tác-giả nói rằng theo ý tác-giả, « trong các tự-điển thì... chỉ có quyển *Việt-nam tự-điển* .. là có sau hơn hết, tất-nhiên (?) đầy đủ hơn hết ». Đã vậy, sao tác-giả không mở quyển *Việt-nam tự-điển* xem câu tôi chữa có đúng không ; chữ « dỉ hơi » có đi với chữ « một tiếng » không ? Việc gì phải « phân tích (?) ra 2 phần như vầy : a) *không* và b) *dỉ hơi một tiếng* . » ? Có phải lúng-túng và « kém thành-thực » không ? *Việt-nam tự-điển* (trang 151) cắt nghĩa dỉ hơi là « há miệng ra mà nói », thí-dụ : « Không dám dỉ hơi », chứ không có câu « Không dám dỉ hơi một tiếng » ; nhưng đến chữ dỉ răng, là « hé răng ra mà nói », thì *Việt-nam tự điển* mới dẫn câu « Không dám dỉ răng một lời ». Giá tác-giả dẫn cả ra, rồi có muốn phê-bình thì cứ nói : có phải tránh được « cái lỗi kém thành-thực », mà không phải « phân-tích » (?) ra lôi-thôi như thế kia không ?... Nhưng mấy khi người có lỗi lại chịu tự nhận rằng mình có lỗi !

Dẫn tự-điển Việt-nam còn thiếu huống chi tự-điển tàu.

Tác-giả bài *Thấy đâu nói đó* viết ở trang 7 một câu rằng : « Trong *Từ-nguyên*, chữ *Ninh* (mà ta dịch là Thà) có nghĩa là *Nguyện* (!?!). Dùng nó là để chỉ sự mong-ước (!?!) ; sự lựa chọn ; — trong hai điều mình chịu điều này hơn điều kia »

Mở *Từ-nguyên* ra xem, quả nhiên tác-giả bài *Thấy đâu...* vừa dẫn thiếu, vừa dịch sai. Chữ « ninh » là thà, chữ nho giải nghĩa là « nguyện - từ » (*Từ-nguyên*, quyển dần, trang 80). Tác-giả bỏ bớt chữ « từ », cắt nghĩa chữ « nguyện » là « mong-ước » !!! — Bỏ bớt đi đã là « phạm vào cái lỗi kém thành-thực », — làm sai nghĩa để xưng-xưng cái lấy được, lại là một lỗi nữa : thế mà dám lấy chữ Hán ra dẫn chứng !

« Nguyện-từ » ở *Từ nguyên* là giải nghĩa chữ « ninh » : phải lấy cả hai chữ, không thể dùng một chữ « nguyện » được, vì chữ « ninh » không phải nghĩa là « nguyện », mà cũng không phải « thà » là « nguyện », vì « thà » là bất-đắc-dĩ, không đạt được như ý thì « thà »... Chữ « nguyện » đứng một mình mới có nghĩa là « mong-ước », mong-mỏi, tự ý mình bằng lòng mà nguyện.

Thế mà tác-giả mục *Thấy đâu...* của báo *Thanh-niên* cắt nghĩa chữ « ninh » là « mong-ước » ! Rồi tự-đắc hỏi một câu rằng : « Đồng-nghĩa với nhau chỗ nào ? »

Thông-thả, để tôi lấy tự-điển Khang-hi cho mà xem : « Chữ vô-ninh (chẳng thà) còn nghĩa là ninh (thà), tức là thà chịu (nguyện-từ). Sách *Tả truyện*, về năm Ân-công thứ 11, có câu : Chẳng thà nay Hứa-công lại vâng giữ xã-tắc ». Nguyên-văn chữ Hán là « Hựu vô-ninh : ninh giả, nguyện-từ giả. *Tả-truyện* Ân thập nhất niên, vô ninh từ Hứa-công phục phụng kỳ xã-tắc » (trích ở *Khang-hi tự-điển*, dần tập thượng, bộ m ên, và *Nhật giảng Xuân thu giải nghĩa*, q 4, tờ 20 b).

Thế là tiếng ta với tiếng tàu đều cho chữ « thà » với « chẳng thà » giống nghĩa nhau như một.

Trên kia tôi đã nói, tác-giả mục *Thấy đâu*... không những dẫn thiếu, lại còn dịch sai. Quả nhiên dịch câu « Ninh vi kê thủ, bất vi ngưu hậu », là « *Thà* làm đầu gà, *chẳng thà* làm đít con trâu » thế là bịa chữ « chẳng thà » cho nó ăn với những chữ bịa trên kia, chứ thực ra câu ấy chỉ có thể dịch là « Thà làm đầu gà, chớ làm đít trâu ». Lại câu « Ninh nhân phụ ngã, vô ngã phụ nhân », mà dịch là « *Thà* người phụ ta, *hơn là* ta phụ người » cũng không đúng: câu ấy phải cắt nghĩa là « Thà người phụ mình, chứ mình đừng phụ người ». Có phải tác-giả đều dịch ép không? mà vẫn « phạm vào cái lỗi kém thành-thực ».

Chữ Hán dịch không nổi ta đành, còn tiếng ta thì thế nào? — Cứ kể hồi câu ấy cũng thừa, vì tác-giả đã dịch chữ « nguyện-ứ » là « mong-ước », thì còn giảng làm sao nữa? Nhưng cũng nên nói qua.

Tác-giả cho câu « Thà bán lỗ, hằng thà xách rổ về không » là « mình cũng nguyện (!?!) bán lỗ hơn là xách rổ về không »!... Có ai buôn-bán lại « nguyện » một câu gàn-dở như thế không? Mang rổ hàng đi bán, cốt kiếm chút lời, mà lại « nguyện » bán lỗ, thì có lẽ chỉ có tác-giả mục *Thấy đâu*... của báo Thanh niên mới có cái ý-nghĩ kỳ-khôi như thế. Tác-giả đã tách chữ « chẳng thà » ra làm hai, cho chữ này trái với chữ kia, — không chịu theo tự-điển Gémbrel, dịch chữ « thà » với « chẳng thà » làm một, — nên mới đặt ra câu chuyện « nguyện bán lỗ », để làm trò cười cho thiên-hạ! Thế mà câu ấy có khó gì cho cam? Chỉ có nghĩa là: đành bán lỗ rổ hàng, để lấy tiền đong gạo còn hơn mang rổ về không.

Đến người mới học quốc-ngữ cũng hiểu được. Nguyên thứ bảy vừa rồi, tôi phải đi thăm một lớp học của Hội Truyền-bá quốc-ngữ, có người lớn học, phần nhiều là buôn « rổ » bán mẹt. Nhân vừa tiếp được tờ *Thanh niên*, số 33, của báo *Tri tân* gửi lại xem, tôi có đưa cho một người học trò đọc thử: họ đọc đến câu giảng nghĩa của *Thanh niên* thì họ không thể nhịn cười được. Tôi mới hỏi thế ra hiểu nghĩa à? Cả lớp trả lời rằng: « Câu ấy nghĩa là bán lỗ còn hơn là xách rổ về, không có tiền đong gạo cho con ăn ».

Chính thế. Hiện nay có người đọc câu ấy là: Thà bán lỗ còn hơn xách rổ về không ». Ông Triệu Hoàng Hòa, tác-giả quyển *Tục-ngữ annam* (quyển 1, trang 59) cũng dịch câu ấy là « Thà bán lỗ còn hơn là về rổ không » (Mieux vaut vendre à perte que de revenir le panier vide). Bao nhiêu câu có chữ « thà » và « chẳng thà », các nhà làm sách đều dịch ra chữ Pháp là « còn hơn » (plutôt... que de, mieux vaut), và đều cho hai chữ cùng một nghĩa, chữ « chẳng thà » đặt vào trước câu cho mạnh thêm, thí-dụ câu « Thà ăn bắp bột chà vôi, chẳng thà giàu có mồ côi một mình », nghĩa là thà ăn lúa ngô, cả bột hay dãi vỏ bằng nước vôi, còn hơn giàu-có cho-chơi một mình, ý nói nghèo mà ăn ngô, còn hơn giàu mà cô-độc (1).

Nói tóm lại, ca-dao tục-ngữ thường đặt chữ « thà » và « chẳng thà » đi đôi với nhau, và cùng một nghĩa với nhau. Chính tự-điển Gémbrel, mà tác-giả bài *Thấy đâu*... dẫn ra, cũng dịch câu « Thà chết, chẳng thà phạm sự... xấu hổ » là « Thà chết còn hơn là làm điều xấu » (Plutôt mourir que de forfaire) (2).

Thế mà tác-giả dám chữa câu: « Chẳng thà chết già ở đây còn hơn » làm câu « Chẳng bằng (?!) chết già đây còn hơn » Nguyên người ta nói: một đằng đi làm quan, một đằng chết già ở nhà; hai đằng khác nhau, nên mới dùng chữ « chẳng thà ». Nếu chữa là « chẳng bằng », thì ra làm quan với ở nhà là một: làm quan không bằng ở nhà. Chữa như thế có khác gì người ngoại-quốc bập-bẹ tiếng ta cắt nghĩa câu « Thôi đi! » làm dừng chân lại, hay dịch chữ « lý cùn » làm ông lý tên Cùn!

Có một điều lạ, là báo *Thanh-niên* đăng những bài như thế, mà không nói rõ ai chịu trách-nhiệm: tác-giả hay cả tòa soạn? Không nói rõ, nên tôi không kể chi đến chữ ký, mà dù có ký tên thật chăng nữa, tôi cũng không kể đến, vì theo lệ làm báo, bài nào sai-lầm gàn-dở, mà vẫn phải đăng, thì tòa soạn để mấy câu. Ở đây tòa soạn *Thanh-niên* có để, nhưng chỉ yêu-cầu đăng lại bài trả lời. Tiếc rằng bài trả lời ương dở và sai lầm nhiều quá, không thể đăng được. Trên kia, đã dẫn nguyên-văn nhiều rồi, thế đã là quá lắm. Nếu sau này báo *Tri tân* có thừa giấy, tôi xin trả lời mấy đoạn nữa, xét ra không hệ-trọng gì, nhưng cũng sai-lầm như những đoạn trên.

(*Xem tiếp trang 21*)

PHƯƠNG PHÁP VIẾT SỬ CỦA LÊ QUÝ ĐÔN (1)

TIÊN-ĐÀM

Về sử học có nhiều bạn tôi quen biết thường phàn-nàn lối chép sử của các cụ ta xưa. Muốn làm cho các bạn hơi khó tính ấy được vừa lòng, tôi xin giới thiệu bộ *Đại-Việt thông Sử* (hay *Lê-Triều thông sử*) 30 quyển. của Lê quý Đôn đã làm vào khoảng năm 1749 (niên hiệu Cảnh Hưng thứ 10).

Lê quý Đôn đã có một phương-pháp làm sử rất đáng chú ý

Bộ *Đại Việt thông sử* của ông chép bắt đầu từ hồi vua Lê thái Tổ khởi nghĩa Lam sơn khoảng năm 1418 cho đến hồi nhà Mạc thoán vị, năm 1527.

Bộ sử ấy có giá trị nhất trong các sách của ông, vì ông đã xét nhận, phán đoán các sử sách Trung Quốc, Việt nam, kiếm tìm tài liệu rồi mới viết.

Để trứng thực việc làm ấy, không gì bằng tôi nhường nhời ông Lê đã viết ở bài tựa bộ *Thông sử* vào tháng trọng thu, năm Kỷ tỵ, niên hiệu Cảnh hưng thứ 10 (1749) mà tôi trích và lược dịch sau đây:

« Nước Việt ta lập quốc, chép sử cũng theo dùng lối biên niên như *Lý Kỷ* của Lê văn Hưu, *Trần Thư* của Phan phu Tiên giản dị, chính đáng cũng có chỗ đáng bắt chước nhưng đến đến chương một đời phần chiếu không thấy chép, người xem sử có chỗ khó hiểu vậy ».

Nói về sử sách từ đời Lê Thái-Tổ, ông viết :

« Từ khi Tiền Triều có thiên hạ, Thái Tổ là bậc thần võ mở nền, Thái Tông là bậc anh minh nối nghiệp, thuần hoàng tài lược hơn đời, trăm việc đổi mới, Hiến Tông thiên tư khoan hậu, biết phỏng theo xưa, những nhời huấn cáo về văn mô, vũ liệt, những ý tốt về chương trình văn vật không kém gì Trung Quốc mà xem đến *thực lục* thật là thiếu hẳn.

« Trong đời Hồng đức (1470-1497) có Tế tửu Ngô sĩ Liên biên chép từ niên hiệu Thuận-Thiên (1428-1433) đến Diên ninh (1454-1459) gọi là Tam triều bản kỷ chép việc cũng kỹ, nhưng sắp đặt chưa được rõ ràng. Lúc bấy giờ, tuyển dụng sử quan rất kỹ càng, như ông Lê Nghĩa chẳng hạn, thấy việc chép đúng, có cái sử bút của người xưa, nhưng bộ nhật lịch của ông đến nay không còn.

« Trong đời Hồng-thuận (1509-1516), quan Tổng tài là Vũ Quỳnh chép nối từ niên-hiệu Quang-thuận (1460-1469) đến Đoan Khánh (1505-1509) gọi là « Tứ triều bản kỷ », về sắc lệnh điển lệ thì hơi đủ, nhưng những việc tuyên bố, sớ tấu của Thần liệu còn thiếu sót nhiều.

« Từ Hồng-thuận trở xuống đến đời Trung hưng, các quan trong đời Dương đức chép nối, lượm lặt, thiếu nhiều, cách thức chưa đủ... »

« Ông Lê quý Đôn cho rằng phép làm sử nhải :

« Đại để phép làm sử cốt phải bao quát cho rộng, chép đúng không thiếu sót việc gì, khiến người sau hễ mở quyển sách thì đã thấy hết đầu mối, biết được gốc ngọn, rõ ràng như mắt thấy tai nghe ».

Theo ý kiến của Lê quý Đôn nói trên, tôi lại sực nhớ đến đoạn văn nói về phương pháp làm sử của nhà đại văn hào Chateaubriand trích dịch dưới đây :

« Theo ý tôi, cái phương-pháp về lịch sử ký sự thế này là phải : sử không phải là một trước thuật về Triết học mà là một bức đồ họa. Phải thêm vào việc ký thuật phép tượng trưng sự vật, nghĩa là vừa phải vẽ hình vừa phải tô mầu, phải cho các nhân vật có những ngôn ngữ và tính tình thời đại họ và không nên xét họ bằng quan niệm riêng của mình, cái nguyên nhân chính làm sai sự thực. Nếu đặt làm phương pháp, cái mà ta cho là tự do, là bình đẳng, là tôn giáo là tất cả các nguyên tắc của chính trị rồi lại đem áp dụng cái phương pháp ấy vào tình-hình cũ của sự vật, ta sẽ làm sai sự thực, ta bắt người sống ở trong hoàn cảnh ấy, phải có những điều mà họ không tưởng đến bao giờ (2) ».

Đã nêu lên cái phương pháp chép sử, Lê quý Đôn lại trình bày rõ ràng ông đã làm quyển *Thông sử* này thế nào :

« Tôi trộm nghĩ, tự xét mình, muốn phỏng theo lối chép

chuyện (của các sử gia Trung Quốc) phân ra từng việc, từng mục, cho rõ ràng, phụ thêm ý mình làm bài luận tán, tự thuật, còn các đời vua thì phỏng theo lối *Tùng thư*, *Tấn thư* của Ngụy Trưng, chép chính sự đời Lý, đời Trần ở trên Tiên-Triều gọi là *Thông Sử* để làm đại điển một đời...».

Ông lại cho biết cả rối khó khăn của ông và cách ông đã dùng vào việc trước thuật ấy :

« Những ngày nay cách triều trước đã vài trăm năm, sách tàu, sử nát, mất mát đã lâu, những di tục cố-gia không thể hỏi vào đâu được, muốn chép thành truyện thật là khó khăn... nay chép truyện chỉ sử trước chưa có mảnh giấy, mảnh chữ mà chép làm thực-lục, giản lược có chỗ nhầm lẫn, không đủ chứng cớ, lại nên rộng tìm lượm các tạp thư, dã kỷ, dã-sử, liệt truyện cùng di-văn ở vàng đá, phả hệ các thế gia và các sách chữ nho bên tàu chép, điều phải, điều trái, điều thật, điều sai, phải nên so sánh ; sưu-tầm đã khó, biết lọc cũng không phải dễ, cỗ gối mông mênh, công lao khó nhọc, mỗi khi cầm bút muốn viết lại phân vân trọng, dần dà mãi mãi há dám tự bảo là xong ngay, nó theo họ Ban họ Mã, hãy đợi ngày giờ sửa sang tề chỉnh biên lấy hết cả, để bổ cứu vào hỗ tiền sử chưa đủ, lưu lại cái giấu xưa cho đời sau . . . . . .

« Tuy là làm quyền biên chép để các bậc đại-gia chê cười, nhưng cũng không dám từ nan.»

Giở về trên, tôi đã nhắc nhởi ông Lê quý Đôn, về cách làm việc của ông thế nào, chắc các ngài có dịp đọc *Đại Việt Thông Sử* sẽ kiểm lại tôi chỉ xin dẫn sử trích dịch mấy câu phê-bình của ông Phan huy Chú (3) tác giả *Lịch triều hiến chương* đã nói về bộ sách của họ Lê ; « Xét lối làm sử, không chép thanh chuyện không đủ rõ, những sự tích các đời vua bên Tàu sở dĩ được rõ rệt đến đời sau chính là do bộ *Nhị thập sử* chép không thiếu sót.

« Sử nước Việt ta chỉ dùng lối biên niên, công việc các triều chỉ chép đại lược, còn đến việc đầu đuôi thay đổi và gốc tích, được mất thì vắng bặt, điển chương cũng không biết đâu mà khảo, những người bác cổ há chẳng buồn mà muốn bổ-cứu hay sao ?

« Bộ sử của Lê công (tức Lê quý Đôn) này thật là gồm đủ cả, có thể làm bộ toàn sử một đời, nhưng từ Trung hưng về sau biên chép còn thiếu là những bậc làm sử bản triều không thể không để đợi đời sau, những người quân tử bác văn nên bắt chước nối theo khiến cho các điển cố trên một trăm năm, được hoàn toàn thành bộ sách, ấy là một việc lớn của nhà trước-thuật. »

. . . . . .

TIÊN ĐÀM

(1) *Trích trong bài diễn thuyết tại hội quán Tri Tri Đạo Thanh bình ngày 26 Aeril 1944 sẽ in thành tập.*

(2) *Chatranbriand, Etudes historiques.*

(3) *Phan huy Chú tự là Lâm Khanh, hiệu Mai Phong là cháu Phan huy Ôn, người làng Thu-hoạch, huyện Thiên-lộc, tỉnh Nghệ-an*

Các bạn đón coi

AN TU

của Nguyễn huy Tưởng

Để thưởng thức một áng văn chương tuyệt phẩm, một bản ca muôn tiếng mênh mông Đời dọc ngang của chiến sĩ, những nỗ lực, hi sinh của dân tộc, những cảnh chiến trường khốc liệt, và cả một mối tình muôn thuở đã nhờ lời văn phong phú và uyển chuyển của tác giả mà hiện lên, sang ngời, trên đồng tro tàn quá khứ

Giá báo

1 năm	18$00
6 tháng	9, 50
3 tháng	5, 00
Mỗi số	0, 40

Hộp thư

Ô Nạ. d. B. — Vinh — Bài N.B H.L.S. đã đăng ở nhiều báo không thể đăng tải vì chật chỗ Xin lỗi.

Tòa soạn

— Ô. Dương Đạn — Phú nhơn — Báo ông đến 15 8-44 thì hết hạn.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 31

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXIV. — Thái-Tập và Thái-Kinh. — Lý-Hồ chạy về Vũ-châu (năm 860), thu nhặt thổ-binh, để đánh quân Nam-chiếu, lấy lại được phủ thành châu Giao, nhưng vua Đường vẫn bắt về tội thất thủ (bỏ mất thành, đô-hộ), (đầy làm Đam-châu ty-hộ. Lại truy tố về tội Lý-Hồ giết Đỗ-thủ Chừng, bắt tội lưu đến châu Nhai *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 5, tờ 10 a, chép là châu Phong), cho chức Phòng-ngự-sứ ở Diêm châu là Vương-Khoan sang thay làm « An-Nam kinh-lược-sứ »: việc ấy vào tháng 6 năm thứ 2 hiệu Hàm-thông (861).

Đến tháng 2 năm sau (862) quân Nam-chiếu lại vào xâm lấn châu Giao. Vương-Khoan sai sứ về Tàu cáo-cấp. Vua Đường cho chức nguyên Quán sát-sứ Hồ-nam là Thái-Tập sang thay, lấy quân các đạo Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm và Ngạc, hơn ba vạn người, giao cho Thái-Tập đem đi chống-cự; bấy giờ binh-thế đã mạnh, các man đều kéo nhau đi (*Khâm-định Việt-sử*, q. 5, tờ 1 a).

Thế là Thái-Tập chưa phải đánh mà đã dẹp yên, nhưng vì Thái-Kinh (chép dưới này) là người tham-bạo, ghen ghét nên mới xảy ra việc Nam-chiếu lấy phủ đô-hộ đến ba bốn năm, mãi sau Cao-Biền mới dẹp nổi.

Nguyên lúc bấy giờ ở bên Tàu Thái-Kinh làm chức tả-thứ-tử, tính tham-độc hay đối-dá. Nhưng thủ-tướng cho Kinh là có tài làm lại, tâu vua xin cho đi xử trí quận Lĩnh-nam. Nguyên trước quận Lĩnh-nam chia làm năm quận: châu Quảng, châu Quế, châu Ung, châu Dung và An-nam.

Mùa hạ tháng 5 năm 862, Thái-Kinh xin chia từ Quảng-châu làm Lĩnh-nam đông-đạo, Ung-châu làm Lĩnh-nam tây-đạo: Vua Đường y theo, cho Vi-Trụ làm đông-đạo Tiết-độ-sứ, Thái-Kinh làm tây-đạo Tiết-độ-sứ.

Đương hồi ấy Thái-Tập coi các đạo binh ở nước Nam, Thái-Kinh đem lòng ghen ghét, sợ Thái-Tập lập được công-trạng, mới tâu với vua Tàu rằng: « Man binh xa cách chỗ biên-cảnh không lo gì, kẻ vũ-phu kiêu-hãnh lập công, hễ binh lính nhiều, thì lương ăn hao tốn; xin bãi quân đi thú, cho đỡ phí tổn ». Vua Tàu y theo; nhưng Thái-Tập cho là không nên, xin để lại năm nghìn quân để phòng bị, nhiều lần dâng biểu, mà vua Tàu vẫn không trả lời. Thái-Tập phải dâng bài trần-tình đại-ý nói: Nam-chiếu đòm-dỏ đã lâu, thế tất lại đến.

Lúc bấy giờ quân lương đều thiếu, trí-lực đều khốn-cùng. Thái-Tập lại làm tờ trạng kể mười cớ phải chết, đưa lên quan trung-thư. Nhưng bấy giờ thủ-tướng tin lời Thái-Kinh, không chịu xét lại.

Trong khi ấy Thái-Kinh làm việc quan ở châu Ung, chính-sự độc-ác thảm-khắc, trong cõi đều oán, bị quân-sĩ đuổi. Tháng 7 năm (862) vua Đường đầy Thái-Kinh làm Nhai-châu-ty-hộ, Thái-Kinh không chịu đi, về đến Linh-lăng, vua Đường sắc bắt tự-tử, cho chức Quan-sát-sứ châu Quế là Trịnh-Ngu sang làm Tiết-độ châu Ung, (*Khâm-định Việt-sử*, tiền biên, q. 5, tờ 1b và 2a).

Tháng 10 năm (862), Nam-chiếu lại đem năm vạn quân ở các man vào cướp phủ-thành châu Giao. Thái-Tập sai sứ cáo cấp, vua Đường sắc lấy

ĐÃ CÓ BÁN

NGUYỄN VĂN SIÊU

của NG NHƯ THIỆP và NG. VĂN ĐỀ (lựa của quan Thượng Phạm Quỳnh và quan Lễ bộ thượng thư Ưng Bình Thúc gia Thị)

Người mà vua Tự Đức đã tự phụ trong câu:

« Văn như Siêu, Quát vô tiền Tấn *Giá 2$90*

Còn một số ít

Truyện dị thường I	*Giá 4$50*
Tìm nghĩa văn học	*— 2$20*
Triết học Aristote	*— 3$80*
Ly Tao	*— 6$00*

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

29 — Lamblot — Hanoi

Một kiến giải về

VẤN-ĐỀ NHẤT THỐNG TIẾNG VIỆT

HIÊN-HÚC

Báo *Thanh niên* đã bàn về vấn đề nầy, tôi chỉ xem được mấy số sau từ số 7 trở đi; nhưng tôi đã thấy phần nhiều các nhà bàn đều đặt câu hỏi sai. Ông thời bàn bỏ hai dấu lấy một; ông thời bàn bỏ chữ nầy dùng chữ nọ. Như thế tôi đều cho là đặt câu hỏi sai; bởi vì tiếng Việt nguyên đã nhất thống sẵn rồi, chỉ trừ ra một vài trường hợp, tôi sẽ nói sau.

Tuy không được tường tận tiểu-sử của ông Alexandre de Rhodes nhưng chỉ nghiệm kỹ chữ quốc-ngữ, tôi dám chắc là ông ta đã đi khắp từ nam ra bắc; không phải đi qua mà thôi, còn phải ở mỗi xứ một thời gian khá lâu cả thành thị, cả thôn quê, mới đặt được chữ quốc-ngữ hoàn-toàn như vậy, và có lẽ ông ta là người rành nhất tiếng việt xưa nay. Ông ta đã hiểu rõ tiếng việt nguyên đã thống nhất rồi, và cái chữ quốc-ngữ ông đặt ra là cái cơ-quan xác định sự thống nhất ấy. Còn những chỗ hiện nay mình thấy tùy xứ đọc viết khác nhau đều là vì sự sai sự quảy của người dùng.

Duy có phương điền nầy thời chưa nhất thống: Một vật mà mỗi xứ gọi mỗi tên, hay một tiếng mà tùy xứ nghĩa khác nhau. Thí dụ: một con cá mà Bắc gọi là cá chuối, Trung là cá tràu, Nam là cá lóc; một cái đồ mà từ đèo-ngang trở ra gọi là ô, trở vào gọi là dù; tiếng bút và viết cũng vậy. Hoặc một tiếng như *bận* mà phía Bắc nghĩa là *mắc việc*, phía Nam là mặc áo quần v. v. . . . . .

Về sự đọc viết sai lầm, cứ bình tĩnh mà nói thời từ Bắc chí Nam xứ nào cũng có. Nay xin kể rõ ra. Ngoài Bắc lộn vần TR với CH, R với D hay GI S với X; xứ Nghệ-Tĩnh lộn dấu NẶNG (.) với NGÃ (~). Từ Đồng hới trở vào Nam lộn chữ T với C nằm sau, hay có G không G. Thí dụ: *đắt* (giá cao) với *đắc* (được) *lan* (hoa lan) với *lang* (khoai lang), *tiến* (lên) với *tiếng* (nói) v. v. . . . từ Đèo-ngang đến Huế, lại lộn chữ NH với GI, từ Nha trang vào Lục-tỉnh lộn chữ V với GI. Những thí-dụ trên là những sự sai đều trong một xứ khá lớn, còn có một lối miền nhỏ hoặc hai ba làng nói sai một vần, thời không kể. Thí dụ: như ở Bắc có miền nói tiếng L như N = *lương*, *lụa* = *nương*, *nụa*.

Ở trên tôi chỉ kể những sự sai mà tôi đã quan-sát được, chắc cũng còn nhiều xứ có chỗ sai khác mà tác-giả không biết.

Nói tóm lại xứ nào cũng có sai; nhưng mỗi xứ sai mỗi chỗ khác nhau. Nếu bây giờ mỗi xứ biết sửa chỗ mình sai, thời tự-nhiên tiếng Việt thống-nhất ngay; không cần và cũng không thể bớt hay thêm vần nào, hoặc dấu nào cả.

Ông Đỗ-Q yên (Tôi không được xem cả nguyên bài của ông. Nhưng tôi tưởng chỉ xem lời nhắc của ông Nhứt-văn trong số 8 *Thanh-niên* cũng đủ) khuyên bỏ một trong hai dấu ngã hỏi; tôi cho là rất vô-lý. Nếu như người Bắc khuyên bớt ba chữ trong sáu chữ họ đọc sai. Người Nghệ khuyên bỏ một dấu trong hai dấu nặng ngã; hay là người Nam khuyên bỏ một chữ trong hai chữ T C, thời có được không? Như thế có khác gì mộ cậu học trò môn gì cũng giỏi, chỉ trừ ra môn toán thời mù mịt, anh ta muốn sở Học-chánh bỏ môn ấy đừng dạy trong các trường nữa, thời có được không?

Tôi xem bài ông Nhứt Văn trong số 9 *Thanh-niên* bàn về mấy chữ (*đắt*, *mặc*, *bận*) tôi hơi buồn cười mà nó đưa lại cho tôi cái quan-niệm hay lé ra một việc: đối với Bắc bất cứ người nào, rất dễ-dàng như phân-biệt chữ ĐẮT và ĐẮC lại là rất khó cho một người Nam; bởi vì ông Nhứt-Văn đã là người học-thức lại có lưu tâm về Việt-ngữ và trước khi ông đăng lên báo, chắc ông cũng đã xét kỹ-lưỡng rồi mà còn lầm.

Chỉ có bài ông Đân-Việt đăng trong số 13 *Thanh niên* là đúng hết cả mọi phương-diện.

Ở trên tôi nói dám chắc ông Alexandre đã đi khắp thôn quê Việt-nam vì tôi có quan-sát được điều-kiện nho-nhỏ nầy: vần GI và D người viết bất kỳ ở xứ nào nói cho đúng phải lưu ý, phải dụng công một tí mới được; mà còn

lầm nữa là khác. Chỉ có riêng Nghệ tĩnh, nhất là thôn quê họ nói phân biệt rất là tự nhiên, họ nói hai vần ấy khác nhau hẳn như vần Đ với T chẳng hạn; không có thể lầm đặng, khi họ nói họ để lưỡi đính với phía sau răng hàm trên, thời tiếng D bật ra rõ rệt hết sức. Như tớ đây khi nhỏ sinh trưởng trong thôn quê cũng nói đúng như vậy; bây giờ vì đi rộng ra, vì xã giao thành bỏ mất tiếng đúng, dùng tiếng sai bởi vì nói đúng như thế nghe hơi chướng, hơi quê, thành hiện giờ tớ viết chữ GI và D cũng có khi lầm. Xem tớ mới biết ông Alexandre giỏi tiếng Việt; bởi vì kể các miền khác, thời tiếng GI và D không khác nhau bao nhiêu. Chỉ có riêng miền Nghệ tĩnh là khác hẳn.

Theo ý tác-giả thời nếu như bây giờ mình muốn bỏ bớt một vần quốc-ngữ, có lẽ có thể bỏ một vần trong hai vần GI và D; vì nó không khác nhau bao nhiêu. Nhưng tôi tưởng cũng không nên bỏ, làm mất một bản-năng của tiếng mình. Mình nên làm thế nào cho một ngày kia mọi người Việt phải nói tiếng D cho đúng như người Nghệ, tĩnh nói.

Bài này không cốt ý để so sánh xứ nào sai ít hay nhiều, nặng hay nhẹ; nhưng nhân nhịp mình cũng nên bàn luôn thể. Xứ Bắc hình như sai nhiều, nhưng nghiệm kỹ mình thấy ít hiểu lầm: vì mấy chữ ấy đứng trước, cũng như chữ NH và V mà dường, trong sai, cũng ít hiểu lầm. Ở nghệ, Tĩnh chỉ lộn « nặng » với « ngã », sự lầm không can-hệ mấy. Chỉ có lộn chữ T với C, có G không G là hay hiểu lầm nhất; xin độc-giả cứ nghiệm sự lầm của ông Nhứt-Văn chữ *đất* với *đắc* thời đủ rõ.

Lời phán đoán này chỉ lấy bình tĩnh đựng lên, chứ không có ý so sánh hơn kém theo óc địa-phương, xin độc-giả lượng cho.

Dầu sai ít sai nhiều mặc lòng, đã có sai, thời ai nấy cũng phải cải chính cả. Nay xin xét những phương pháp thực hành về việc này.

Muốn viết cho đúng, trước hết phải nói cho đúng. Cái nguyên nhân nói sai là tập quán và xã giao. Một người Bắc lúc mới tập nói, bỏ hẳn vần TR. R.S đọc hết cả như CH, GI, X. Một người Nghệ, Tĩnh bỏ những tiếng dấu ngã đọc như dấu nặng; một người Đèo-ngang trở vào Nam bỏ những vần *ắt*, *an*, *iên*, đọc như *ắc*, *ang*, *iêng*, v v...., Theo luật xã-giao phải nói sai, nói ngọng, nói dớt như vậy mới là lịch-sự, còn nói cho đúng, họ cho là quê; Và họ cũng đã quen tự lúc nhỏ rồi.

Bây giờ muốn mọi người tập nói và viết cho đúng, trước hết phải có pho tự-điển công-thức. Sự này tôi cho rất dễ, chỉ có một hội đồng có đủ cả người từ Nam chí Bắc, thời giải-quyết được ngay, bởi vì như trên đã nói, một tiếng rất khó phân biệt cho người Nam lại rất dễ phân biệt cho người Bắc, và trái lại cũng vậy.

Vả chăng, tôi xem những tự-điển hiện nay đã xuất-bản, phần nhiều viết đã đúng cả, bởi vì các nhà làm sách ấy, trước khi viết vào họ đã khảo cứu kỹ-càng, còn báo chí, sách vở thời tôi thấy còn vô-khối chỗ viết lầm.

Vấn-đề tự điển giải-quyết rồi, mình phải cải chính chỗ nhà trường trước, rồi sau mới lan ra ngoài đặng.

Lớp cần thi hành trước là lớp Sư-phạm. Trong lớp nầy phải liệt môn đọc và viết quốc-ngữ vào hạng rất quan-trọng và lúc thi ra phải chấm hai môn nầy cho nghiêm-khắc. Như thế các thầy ra dạy đã là người rành rỏi quốc-ngữ rồi; thời, trong các lớp tiểu học phải dạy cẩn-thận môn ấy; cũng liệt vào môn rất quan-trọng. Đến khi thi Yếu-lược, thì tiểu-học, cũng phải chấm cho nghiêm-khắc. hễ câu nào đọc viết sai, nhất định đánh hỏng dầu các môn khác có giỏi mặc kệ. Có làm như thế, các cậu trẻ mới chịu lưu ý và nhất là phụ-huynh họ mới dạy cho con phải nói cho đúng, họ không để cho nó tự-do nói dớt, cho được lịch-sự, cho hợp xã-giao; bởi vì như thế có hại cho đường công danh chúng nó. Sự tập luyện ở gia-đình rất quan hệ, vì rất dễ dàng và thành hiệu rất xác định.

Phương-diện nầy cũng giống như hiện nay Chánh-phủ bắt thi môn thể thao, trước khi bổ vào công chức. Trước kia ai cũng biết thể thao có ích, nhưng còn biết bao nhiêu cậu học trò, và nhất là phụ-huynh, họ có thiết gì môn ấy đâu, họ chỉ lo cặm-cụi học chữ nay họ phải lo tập thể-thao, vì thiếu môn ấy không được bổ vào các công sở.

(*Xem tiếp trang 16*)

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 82

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bài ký đề tên các ông tiến-sĩ khoa nhâm-tuất, hiệu Cảnh-thống thứ 5 (1502) dịch ra như sau này :

Đặt khoa thi tiến-sĩ, là phép sẵn để lấy người hiền-tài; dựng bia đề tên là để khuyến-khích lòng người. Các đời trước lấy hai điều đó để nêu rệt nhân-văn Thánh-triều-ta lấy hai điều đó để cho trị-hiệu được tốt thêm. Bởi vì đã đủ trong sáu *Kinh*, không những chỉ chép truyện hay để làm mỹ-quan mà thôi.

« Năm nay là năm nhâm-tuất, Hiệu Cảnh-thống thứ 5; mùa xuân, bộ Lễ noi theo phép cũ, cho tất cả cử-nhân trong thiên hạ đến thi, có tới năm nghìn người. Bốn kỳ hợp cách được 61 người, đưa tên vào thi đình, Hoàng-thượng thân ra đầu bài, thi ở điện-đình. Sai quan Đặc tiến Phụ-quốc, thượng-tướng-quân, nam-quân Đô-đốc-phủ Tả-đô đốc. Phụ-mã đô-úy, Lâm-hoài bá, trụ quốc là Lê đạt-Chiêu; Hộ-bộ thượng-thư là Vũ-Hữu, Binh-bộ Tả-thị-lang là Dương-trực-Nguyên. Nự-sử-đài thiêm-đô-ngự-sử là Bùi-xương Trạch, chia ra mỗi người coi một việc. Lễ-bộ thượng-thư Tả-xuân-Phường Tả dụ đức, Kiêm Đông-các đại-học sĩ là Đàm-văn-Lễ, Lễ-bộ Thượng-thư kiêm Hàn-lâm viện thị-độc coi việc viện Hàn-lâm là Nguyễn-Bảo, Lễ bộ tả-thị-lang, kiêm Đông-các học-sĩ là Lê-ngạn Tả, Quốc-tử-giám tế-tửu là Hà-công Trình, Tư nghiệp là Hoàng-Bồi; Thái-thường-tự-khanh là Nghiêm-Lâm, tiến đọc quyển-thi.

« Hoàng-thượng xem xét phân biệt, cho lũ ông Lê-ích-Mộc ba người đỗ tiến sĩ cập đệ (tức trạng nguyên, bảng-nhỡn, thám-hoa), lũ ông Nguyễn-cảnh-Diễn 24 người đỗ tiến-sĩ xuất thân, lũ ông Phạm-khiêm-Bỉnh 34 người đỗ đồng tiến-sĩ xuất-thân.

« Ty thiên-giám chọn ngày tốt, thánh-thượng Hoàng-đế ngự điện Kinh thiên, sai truyền loa xướng tên đỗ, trăm quan triều phục lạy mừng.

« Mấy năm trước bảng vàng treo ở ngoài cửa đông-hoa, đến đây sai quan bộ Lễ bưng ra, có trống và nhã-nhạc rước đi, treo và yết rõ ở cửa nhà Thái-học. Sở-dĩ làm như thế để tỏ là nhiều học-trò giỏi mà kích lệ cho người sau. Ân vinh lần lượt, bết thảy theo phép cũ, quan bộ công theo lệ, khắc đá đề tên, để lưu truyền lâu dài. Sắc những bầy-tôi văn-học làm bi-ký.

« Thần là Đàm-văn-Lễ, lạm dự chức cận thần, việc phải soạn bài, không dám chối-từ vì cố-lậu nên dâng lời rằng :

« Thần trộm nghĩ về đời Thành-chủ, mới có kỳ thi tiến-sĩ, xuống đến Đường, Tống, khoa ấy thịnh-hành, nhân-tài lũ-lượt kéo ra, công việc trị bình rõ-rệt, rõ-ràng đủ cả ở trong sách. Các bậc vua đời trước ta, dựng nhà học, chuộng học-trò, đặt khoa thi, lấy kẻ sĩ, mở đường thái bình ức muôn năm, nghĩ để sửa sang thế đạo, giúp dập hoàng-đồ, làm cho vua được như Nghiêu, Thuấn, làm cho dân được như

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐÀI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
— Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6$50 — Cước 1$20

Vì tình thế hiện thời, ông Đinh văn Tuệ không ở Hanoi Thư và mandat nào gửi rồi thì thôi. Còn từ sau bạn nào mua sách, cứ gửi thơ cho :

Bà ĐÀO-THI-MINH

118 Phố Duvillier — Hanoi

đân đời Nghiêu Thuấn, chẳng phải ở chỗ khoa-mục được người đấy ư?

« Đức thánh-thượng Hoàng-đế ta, theo chính truyền của hai đời đế, nối nghiệp lớn của bốn đời vua, sẵn lòng hỏi đạo, nghiêng mình nhớ người hiền, phàm những chính yếu của đế vương đời trước và bản-triều, cái phương pháp kén chọn hiền-tài, mở rộng sửa sang, cách phòng ngừa xử trí kín đáo, không việc gì là không chính-đáng, cho nên nhân-tài được thành, so trước là hơn. Người học trò như cá nước gặp thời, gió mây gặp bước: kẻ lên chức thị-lang, tham-tụng, người giữ chức cấp-sự giám-đài, người sung chức cận-thần, người ra làm thú-mục, vẫn là phải đốc lòng trung tiết để đôn-đốc chí-hạnh, ý-khí cùng mong, sự-nghiệp cùng sáng, mong mỏi như Quỳ, Cao, Chu, Thiệu, so sánh như Hàn, Lục, Âu, Tô, để tiếng khen đời bấy giờ, truyền công nghiệp về sau, trên không phụ cái thịnh-ý của triều-đình cất đặt, dưới không phụ cái chí hoài bão bình-sinh, thì phiến đá này khác ra, càng lâu càng sáng sủa. Nếu mà sau trước so le, ngọc đá lẫn-lộn, hoặc khúc-học như Công-tôn, hoặc đồi tiết như Nguyên-Chẩu, hoặc hiểm-độc như Đinh-Vị, hoặc tà-khúc như An-Thạch, mắt thấy không kịp tai nghe, việc làm trái với sức học, thì người xem sẽ chỏ vào tên, mà châm vào đá, nghìn năm về sau, phiến đá này, có vết, thì có mài được không? Vậy thì lời khen như mũ ba cồn, lời chê như búa rìu, danh-giáo nghiêm-trang, sĩ quân-tử hà lại không tự trọng ư?

« Lễ bộ thượng-thư, gia hạnh đại-phu, Tả-xuân-phường, Tả-dụ-đức, kiêm đông-các đại-học sĩ, Khuông-mỹ-doãn, Đàm văn Lễ phụng sắc soạn.

« Dựng ngày mùng 10 tháng 11, năm Cảnh-thống thứ 5 (1502).

« Quang lượng đại-phu, Trung-thư giám điển-thư, chính-trị-khanh, Phạm-Định (?) phụng sắc viết.

« Thông chương đại-phu kim-quang-môn đãi-chiếu Tả-chính-khanh Nguyễn Toản (?) phụng sắc viết chữ triện.

« Dựng lại ngày 15 tháng 9 năm Đại-chính (nhà Mạc) thứ 7 (1536). »

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẢO LAN-NHA

Một dẫy tường cao mây điểm gắm,
Bốn mùa hồ hẹn giá cùng mưa
Chầy sương tháng nện cây cằn gốc
Bóng nguyệt năm mài đá vẫn tro
Bên vắng ầm thầm nghe nước lắng
Thuyền xa đồng vọng tiếng đò mơ
Say sưa mên cảnh trời non nước
Am quạnh, tình đơn nặng tái thơ

Bà VÂN-ĐÀI

Không than khóc

Rủi-ro gặp sự bất bình?
Đầy vơi giọt nước mắt mình làm chi!
Sầu đeo nào có hay gì,
Phải như sắt đá ấy thì mới hay.
Ai ai, ta nhắn câu này:
Hễ lâm-ly quá có ngày nguy-nan!

Không nghèo

Kề ngay cửa sổ trông ra:
Mưa xuân tơ liễu thướt-tha giọt sầu
Như trăm ngàn chuỗi ngọc châu:
Ai tiền-bạc đấy, ta đâu có nghèo.

MẠNH-HOÀNG

Nhất thống tiếng Việt

(*Tiếp theo trang 13*)

Nếu mình làm riết như vậy trong một thời-gian độ mười năm, tôi dám chắc hết cả thanh niên Việt-nam đã đi học đều nói và viết đúng cả. Lớp ấy đã vậy thời các lớp khác trong xã-hội sẽ tiêm-nhiễm dần trong một thời-gian không lâu. Ngoài nhà trường, các báo chí cũng nên kêu gào cho mọi người hay lắng viết và nói cho đúng là rất quan-hệ cho Việt-ngữ; nên khuyên các nhà viết văn, các nhà diễn thuyết hễ gặp chữ mà mình chưa chắc, phải khảo cứu hỏi han trước khi đưa ra dùng. Phải làm thế nào cho người mình có cái quan-niệm nói đúng là lịch-sự, nói dớt, nói sai là quê-mùa mới được.

Về phương-diện cải-chánh này, sự cải-cách quốc-ngữ cũng có thể giúp ích được một vài phần, tôi sẽ nói dưới đây

Còn những trường hợp mà tiếng Việt, chưa nhất-thống, như một vật 2, 3 tên, một tiếng hai ba nghĩa, thời theo ý tôi, mình không có thể và cũng không nên bỏ tiếng nào cả. Tùy xứ nào dùng quen tiếng nào thời dùng tiếng ấy; Nhưng trong đó mình chọn ra một tiếng làm công-thức; còn những tiếng kia, mình vẫn để trong tự-điển thích rõ là dùng ở xứ nọ xứ kia. Đại để như ba thí dụ trên, tôi xin chọn tiếng *cá lóc* vì nó biểu-diễn một đặc-tính của vật ấy, *cái ô* nghe ra hay hơn, *cái bút*, cho khỏi lộn với động từ *viết*.

Vấn đề cải cách quốc-ngữ.

Thống chế Pétain đã nói :

«Nước Pháp sẽ phục hồi nguyên tắc chính đại của luân lý thiên - chúa - giáo là những nguyên tắc đã dựng lên căn bản vững vàng cho nền văn minh của chúng ta.»

Chữ quốc-ngữ là cái lợi khí rất quý hóa cho hiện tại và tương-lai Việt-nam, một mẫu tự hết sức là tiện lợi,... nhưng nó có vài điều bất tiện rất cần cải cách:

1 — Nó không tuyền hợp với chữ in, và bàn máy chữ phổ-thông thế-giới.

2 — Không dùng vào chữ giây-thép đặng;

3 — Nó nhiều dấu quá, thành rờm không được đẹp;

4 — Vì dấu không nhập vào thân chữ, thành viết hay quên, hoặc lười bỏ đi;

5 — Nhiều dấu thành chữ không có thần nhất định, thành khi xem không hiểu mau được như chữ pháp chữ tàu. Dầu người đọc quen đến đâu, khi đọc cũng phải dụng công về hai phương diện, một là hiểu nghĩa, hai là phân biệt chữ. Còn chữ pháp chữ tàu hễ liếc mắt qua là hiểu ngay, bởi vì nó nhất-định. Thí dụ như chữ *Homme* thấy là hiểu ngay, không thể lộn với chữ khác. Còn chữ *người* của mình vẫn phải nghiêm một tí, vì nó có thể lộn với năm chữ khác là *ngươi, người, ngượi, nguởi, ngườì*. Bây giờ mình thay dấu huyền bằng chữ J chẳng hạn, chữ *người* sẽ viết là *ngươi*j. Dùng lâu nó có cái thần gần như chữ *homme* vậy. Bởi vì trong 6 vần, chỉ có chữ người là năng dùng hơn hết. Tuy là cách này cũng không hóa hẳn chữ quốc-ngữ thành ra như chữ pháp, chữ tàu; nhưng cũng giúp được về một phần định thần chữ.

Vậy muốn tránh những sự bất tiện kể trên, mình phải thay hết cả dấu bằng những chữ đứng sau và đổi những chữ Đ, Ư Ơ, không có trong chữ in quốc-tế. Việc nầy đã có ông Nguyễn văn-Vĩnh và người khác trước ông đã giải-quyết rồi, nay chỉ chọn lấy quy-tắc nào tiện hơn để dùng là được.

Theo thiển kiến, vấn đề này rất cần thiết và quan hệ cho nước mình.

Sự cải cách nầy có thể giúp một vài phần nhất-thống tiếng việt; làm một cái dấu thời chữ ít khác nhau; còn viết một chữ vào, mặt chữ sẽ khác hơn nhiều; mình phải lưu ý và dễ nhớ hơn dễ, phân biệt các dấu.

PHIÊN-PHÚC
(Phan rang)

Các bạn đọc chú ý

Trong tháng Juin, tòa soạn Tri Tân định cho ra một tập đặc san về:

TỤC NGỮ và CA-DAO

Theo lời yêu cầu của nhiều văn hữu ở ba kỳ muốn cùng chúng tôi góp vui trong các đặc san, nên chúng tôi xin báo trước để các bạn rõ.

Tòa soạn

Bản sách dẫn về Đại-Nam Liệt truyện

Số 17 *Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC*

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ-QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỌ
M						
MẠN-HÒE (Manuel)		người Pháp	S	28	8b	
MẢN 斌 *Trần*		Nghệ an, Quỳnh-lưu	N	41	19a	cũng đọc « Bân »
MẪN 敏 *Nguyễn-văn*		Gia định	S	8	29b	
MẪN » *Võ-đức*		Hà tịnh, Nghi xuân	N	26	19b	
MẬU 懋 *Nguyễn-trung*	hiệu Đạm-hiên	Nghệ-an, Đông thành	N	18	17a	
MẬU » *Trần*		Hà tịnh, Thạch hà	N	32	15b	
MỸ 美 *Hoàng-tế*	hiệu Phục-đình	Hà nội	N	26	18b	trước tên là « Thạnh »
MỸ » *Lê-phước*		Thanh hóa, Quảng huyện	S	18	8b	
MỸ » *Ngô xuân*		Bắc ninh, Siêu loại	N	41	12b	
MỸ » *Nguyễn-văn*		Gia định, Bình dương	S	9	10a	nay là vùng Sàigòn
MỸ » *Tô-thế*		Bình định	N	12	17a	
MỸ » *Trần-văn*		Thanh hóa, Đông sơn	N	41	7b	
MỸ » *Võ*		Huế	S	6	16b	cháu nội Võ-Tánh
MIẾN-DIỆN QUỐC			S	33	1a	
MINH 明 *Nguyễn-công*		Gia định, Bình dương	S	17	5a	nay là vùng Sàigòn
MINH » *Nguyễn-khoa*		Thừa thiên, Hương trà	N	14	5b	
MINH » *Nguyễn-tặng*		Thừa thiên, Phong điền	N	18	1b	
MINH » *Nguyễn-văn*		Không biết	S	8	31b	từ trận tại Ba thắc (Sốc trang)
MINH » *Tống-phước*		Gia định, Bình dương	N	40	8b	nay là vùng Sàigòn
MINH » *Tống-văn*		Gia định, Bình dương	T	4	26a	
MINH 銘 *Trương-văn*		Gia định	S	15	12a	
MƯU 謀 *Nguyễn-bảo*	nhứt danh Tấn	Gia định, Bình dương	S	10	2b	con Nguyễn-bảo-Trí
—22—						
N						
NAM-CHƯỞNG QUỐC			S	33	8a	
NĂNG 能 *Trần-văn*		Khánh hòa, Vĩnh xương	N	14	1a	
NIỆM 念 *Lê-văn*		Bình định, Phù cát	S	25	12b	
NINH 寧 *Nguyễn-hàm*	tự Thuận-chi	Quảng bình, Bình chánh	N	31	16b	
NÙNG 霾 *Tôn thất*		Huế	S	4	14a	Lại âm « Nông »
NỮ 濃 *Võ-xuân*	tự Du-trường	Quảng bình, Lệ thủy	T	5	28a	
NÙNG 女 *Lê-thị*		Quảng bình, Phong lộc	N	44	9b	
NƯƠNG 娘 *Nguyễn-thị*		Hà tiên	N	44	2a	
—8—						
NG						
NGA 俄 *Nguyễn-công*		Biên hòa, Phước chánh	S	17	11b	nay là vùng châu thành
NGHI 儀 *Đỗ-hữu*		Quảng nam, Điện phước	T	4	27a	[và Tân uyên
NGHI » *Nguyễn*	nhứt danh Chánh	Bình định, Tuy phước	S	10	1b	
NGHI » *Nguyễn bá*	tự Sư-phần	Quảng nghĩa, Mộ đức	N	27	12b	
NGHI » *Phạm-hữu*	tự Trọng-vũ, hiệu Đạm-trai	Quảng nam, Điện phước	N	25	13a	

1) T : Tiền-biên, S : Sơ-tập, N : Nhị-tập.

Khái-luận và phê-bình thi-ca cũ (VI)

Tuồng hát Việt-nam

II

của HOÀNG-THIẾU-SƠN

Thị Bích — *Nay Võ-Tánh dâng tờ mật biểu, giao cho tôi thủ lộ vi hành. Sớ biểu đã rành rành; binh cơ tua chong chóng.*

Nguyễn chúa — *Mày là con cái nhà ai?*

Thị Bích — *Cha tôi làm chức Tổng-binh.*

Tôi phải hết lòng giúp nước

Thiết tưởng cái cao-siêu cái mạnh mẽ của những lời đối đáp trong bi-kịch Corneille mà người ta hằng tán-tụng cũng chỉ mạnh mẽ đến như câu trả lời vắn tắt nầy mà thôi.

Ở trên tôi đã ví tuồng hát Việt-nam với tuồng hát Hy-lạp.

Cũng như sân khấu Hy lạp, sân khấu Việt-nam là nơi hòa hợp đẹp đẽ của cái hùng tráng và cái bi thiết.

Những lời vắn của chư tướng hay của tam quân đều đượm một mối sầu to lớn. Cái sầu Trương-Phi ngâm thơ cảm-khái trên ngọn cổ-thành thật là mênh-mông bát ngát:

Lạc-lạc cổ tùng chỉ tự bi
Hàn châm tiêu sắt cổ thành trì
Hốt văn Hồ mã tề phong cấp,
Không sử anh hùng lệ mãn y. (6)

Những lời đồng loạn, trái lại, hăng hái hàm hở ci ẳng kém lời tuyên-thệ của ba anh em Horace (7).

Trên đã đem lòng phó thác,
dưới xin hết sức trì khu.
Tảo thiên quân chẳng kém bút Tòng Chu, tàng sổ vạn sợ gì binh Võ-Tánh.
Quyết vây chặt ở thành Bình định, còn lối nào ra đặng Thần kinh ». (5)

Nhất là những lúc sắp hạ màn, những lời đồng-loạn mạnh-mẽ kéo dài trong trí khán giả và độc-giả một cảm giác hùng kiện khác thường.

Sự hòa hợp tuyệt diệu của cái *bi* và cái *tráng* đã làm cho tuồng hát Việt-nam có mãnh-lực cảm dỗ vô song.

Hai tướng hăm-hở liều mình giúp nước trước lời thề hăng-hái vẫn không quên ngọn trăng le-lói trên bức tường thành của chốn Ngọc-kinh mà họ sắp từ-giã để đi theo tiếng gọi của chiến trường.

Nhất tâm vị quốc thệ quyên sinh.
Vạn lý phong vân tráng thử hành!
Hồi thủ Hương Bình đa cựu sắc,
Y y minh nguyệt chiếu cổ thành (5).

Khi chủ-súy hạ lệnh « *cùng chư tướng đại giá thân chinh* » chư tướng đồng nguyện một lòng phù tá, vẫn không quên những chông-gai của « gian-nan nghiệp » đang đợi chờ chủ súy.

Vạn lý binh-xa cấp khải hành
Thử lai chỉ vị cứu cô thành.
Nha thần cộng tế gian nan nghiệp
Y cựu thanh cao sáp Nghị-binh.

Không còn gì cảm-động bằng một còn nhà tướng mà lại là thi sĩ đa tình. Chàng Curiace nhân đạo bao giờ cũng làm ta mến phục hơn chàng Horace vũ phu.

***

Tuồng hát còn lại và hay hơn cả có lẽ là tuồng « *Tượng-kỳ khí xa* » của Hoàng-cao-Khải. Nhất là hồi thứ II, cảnh thứ V là cái chốt bi-tráng của Võ-Tánh, Ngô-tòng-Chu và Nguyễn-tấn-Huyên trong thành Bình-định.

Đoạn nầy, đã có cái bi-thiết của Euripide, cái hùng tráng của Eschyle, cái hoàn toàn của Sophocle. Cái bi-tráng của đoạn văn nầy đã lên đến cực-điểm, vẻ đẹp của nó không cần phải tán dương. Tôi xin trích nguyên văn để độc-giả tự thưởng thức lấy:

Võ-Tánh *viết*:

(Nếu như vậy.) *Nay nhất đán sự cơ tương bách, e tam quân tính-mạng nan toàn, mình ta an giấc suối vàng, cho quân-sĩ thoát vòng mũi bạc.*

Hựu *viết*:

(Ở quan Phó-soái, tôi nói thiệt cùng người, như tôi bây giờ): *lâu*

tám góc đành chôn lửa đỏ, cửa chín lần ngõ giãi lòng đan.

Tôi nghĩ rằng quân giặc nó có giết thì nó chỉ giết một mình tôi mà thôi, bởi vậy cho nên):

Người, văn quan, lo lấy tự toàn, tôi, võ-tướng đã cam chịu thác.

Ngô tòng-Chu *viết*:

(Dạ như quan nguyên-soái dạy làm vậy, nhưng rứa mà tôi nghĩ rằng văn võ cũng là tôi triều-đình, cả, mà tới nay:

Người đã không ấy tử, tôi cũng quyết quyên-sinh. Do lai văn-võ lưỡng đồ, đồng thị tôn-thần nhất niệm.

Võ-Tánh *viết*:

Hảo trượng-phu chi chí khí (a)

Ngô-tòng-Chu *viết*:

Tôi xin lui (*Chu vào*)

Võ Tánh *viết*:

(Tổng-binh Nguyễn-tấn-Thuyên (8) như ta cùng người, làm cơn hoạn-nạn, khôn lẽ rằng hai ta cùng chết cả, một người mất thì phải một người còn, cũng bởi vì):

Nước còn đương nhiều nạn, tôi âu dễ mấy người. Ta đã đành hết đạo làm tôi, người cũng phải dành mình giúp chúa.

Nguyễn-tấn-Thuyên *viết*:

(Dạ dám thưa quan Nguyên-soái, như người dạy làm vậy, nhưng rứa mà còn thì ta còn với nhau, mất thì ta mất với nhau, nếu mà kẻ còn người mất như thế sao đành, mà):

Tôi hết lòng với chúa, tớ giả nghĩa cùng thầy. (như tôi bây giờ) *Tử-sinh quyết ở phen này giúp giập thiếu gì người khác.*

(Tôi xin lui vào)

Võ-Tánh *viết*:

Hảo nam-tử chi hung khâm (a)

Hai người ta quyết kế, lầu Bát giác sửa sang, củi khô thuốc súng sẵn-sàng, ba ngày sẽ lên đàn hỏa... (vào)

Ngô tòng-Chu *viết*:

(Như ta nay) *Thân quân gì làm cát, lòng đối với giang-san. Dẫu không tài được mã, khóa an, chẳng kém kẻ thao chùy, bình tiết, Chí này dành đã quyết,* (quân) *độc được khả tượng lai.*

(Quân mang thuốc độc lại).

Ngâm:

(Xưa nay ai cũng nói văn-thần ấy tử nay ta là văn thần nào ta có sợ chết đâu mà:

Nào thực gan giả chẳng phải non,

(Như ta chết làm vậy, cũng là muốn trước trả nghĩa vua, sau là đền ơn nước. Vậy cho nên:

Cứng như vàng đá, đỏ như son,

(Thuốc này là thuốc độc bè:

Thuốc này xin chớ cho là độc,

(Bởi ta có chết đi nữa cũng là thơm danh về sau, thì uống vào chẳng là ngon ru?

Danh tiết mùi thơm chắc của ngon.

(Ngô tông Chu tạ thế)

Quân báo:

Dạ, da, quan Hiệp-trấn đã mất rồi.

Võ Tánh (chạy ra viết)

(Nào ở đâu nào... quan Hiệp-trấn đã mất thiệt rồi, nọ mần ri) *Khóc vì tình bầu-bạn, mừng vì nghĩa vua tôi. Khen cho ai xem thác như chơi, tiếc chẳng đợi ta ít nữa.*

Than:

(Hiền huynh ôi!) *Ai là không thác, đạo phải cho tròn. Thương thay hiền hữu, lòng đỏ như son. Vì nòi, vì giống, vì nước, vì non, dẫu nghìn năm nữa, bia miệng không mòn.*

Hựu:

Cám thương nghĩa cũ, mai táng đã an, Cách hai ngày ta sẽ đăng đàn. (quân) *truyền chư-tướng đồng lai hội diện.*

(Chư-tướng, từ này hiểu-thị, khắp các quan binh, ta xin cám ơn các ông nghe).

Từ khi ta trấn thủ cô-thành, nhờ tướng sĩ hết lòng trung-phẫn; nay binh « bì thực » tận, mà lực kiệt thế cùng.

(Ta nghe cổ-ngữ có câu rằng):

« *Thành tồn dữ tồn, thành vong dữ vong* ».

« Như rứa mà, ta dẫu có chết đi, không có để giặc nó thấy mặt ta đâu, bởi vậy cho nên):

BẠN MUỐN CÓ ĐỦ ẢNH CÁC NHÀ VĂN DANH TIẾNG VIỆT-NAM

Như Đào duy-Anh, Nguyễn-văn-Tố, Trần-trọng Kim, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, Phan-trần Chúc, Đào-trinh-Nhất, Nguyễn Tuân, Thế-Lữ, Tú-mỡ, Trần-thanh-Mại, Vũ-hoàng-Chương, Vũ trọng-Phụng, Lưu-trọng-Lư, Ngô-tất-Tố, Nguyễn-Hồng, Hàn-mặc-Tử, Đông-Hồ, Tiếu-Sơn, Phan-Khôi, Quách-Tấn, Huy Cận, Xuân-Diệu Đoàn-phú-Tứ, Trần-tuấn-khải, Hoàng-ngọc-Phách, Tản-Đà, Tam-Lang, Trọng-Lang v.v..

Tất cả 40 ảnh (Khổ 9×12) in trên giấy láng tốt bạn bạn muốn có đủ xin gởi mandat 8$60 cho: M. Yên-Sơn, Kiosque *Thanh-Tao* ở *Vinh* (ảnh sẽ gởi theo lối bao đảm đến bạn cùng 1 lần với 2 quyển *Nhà Văn Hiện đại* của Vũ-ngọc-Phan).

Thành nầy thệ dữ câu vong. giặc nọ bất dung kiến-diện.

(Tướng-quân Nguyễn-văn-Thịnh nghe tả dặn).

Gửi tây-tướng phong thư nhất-phiến, tu mất rồi người khá giao lai.

(Thôi thôi) *Xin từ-giã mọi người*

(Nguyễn-Tấn-Huyên) • *Hãy lâu lâu đồng tọa.*

Chư-tướng đồng *viết*

Trông thấy lầu cao tám góc, nhìn qua củi chất tứ bề : xương đồng, dạ sắt khôn bì. dạ ngọc, gan vàng mấy kẻ.

Đồng vẫn :

Dạ ngọc gan vàng mấy kẻ,
Tấm lòng này hậu dễ đan thanh,
Có thần đối với cô-thành
Dẫu nghìn năm nữa thơm danh vẫn còn.

Võ-Tánh *viết* :

Thiên-niên ư thành-quách, vạn-cổ thử giang-san, thương thay trăm họ lầm than, hầu dễ một mình êm mát.

Vẫn :

Hầu dễ một mình êm mát,
Quyết phen nầy ngọc nát vàng tan.
Mình này đối với giang-san,
May ra miếu xã lại hoàn như xưa.

Chư tướng đồng viết :

Sự sinh chân thiên cổ, oanh-liệt tố nhất trường, (như anh em tôi bây giờ) *xét mình những luống hổ han, nhớ bạn càng thêm thương tiếc.*

Đồng-vẫn :

Nhớ bạn càng thêm thương-tiếc,
Nghĩ sinh-ly, tử-biệt mà đau,
Hai hàng giọt lụy tuông châu,
Trông rạ nước thẳm, non sầu biết bao.

Nguyễn-Tấn-Huyên viết :

Trên hết ngay với chúa, dưới trọn nghĩa cùng thầy ; thủy chung mong trả ơn dày, ly biệt càng thương nghĩa cũ.

Vẫn :

Ly-biệt càng thương nghĩa cũ.
Tấm lòng này biết thuở nào khuây ?
Âm-dương hai ngả chia tay.
Tồn vong âu cũng thảo ngay một niềm.

Võ-Tánh

Nguyễn-văn-Biện truyền phóng hỏa.

(Biện rụt rè, bỏ chạy.)

Thôi xin các ông lui ra, đừng khóc làm chi nữa :

Một lời xin từ-giã, các tướng phải lui xa, tàn thuốc ném ra, tức thời phóng hỏa.

Võ Tánh gảy tàn thuốc xuống hỏa-đàn Lửa cháy

Chư tướng đồng viết :

Chân thống-thiết. chân thống thiết ! Tối ai-liên, tối ai-liên ! Linh khí dĩ qui thiên, ai thanh hề chấn địa.

Thần :

Hai đồng trò tàn,
Bốn bề lửa đỏ !
Còn biết lấy ai nương dựa.
Để mà giúp nghiệp gian-nan !

(Hoàng-cao Khải : *Tượng kỳ khí xa* hồi II, cảnh V)

Trước cảnh : « *lầu cao tám góc củi chất tứ bề* »... tiếng khóc của chư tướng chấn động non nước và cô thành nhưng ba kẻ « *tử-vì-đạo* » chỉ « *thung-dung tựu-nghĩa* » không trống, không kèn.

Ông cha ta có cái bí-quyết uống độc-dược, lên hỏa đàn, không cười, không khóc, không buồn, không vui, vẫn giữ khí bạo-nhiên của đấng trượng-phu, vẫn giữ vẻ êm-đềm như khi người ăn miếng trầu, khi người hút điếu thuốc lào khi người uống chén nước trà. Vẻ bi-thiết của tấn kịch nầy vì thế đã lên đến cực điểm.

(Hết)

HOÀNG-THIẾU-SƠN

---

(6) Cô thành.

(7) Xem bức tranh « Le Serment des Horace » của L. David.

(8) Theo Đại-nam chính biên Liệt truyện sơ tập Nguyễn-tấn-Huyên là một viên đội hàm thất phẩm, khi thấy Võ-Tánh tự thiêu mình liền nhảy vào đài hỏa cùng chết với chủ tướng, trong Tượng-kỳ khí xa, Hoàng-cao-Khải thay vai tuồng của Nguyễn tấn Huyên đổi làm một viên tổng binh cùng Võ-Tánh mưu sự tử tiết.

Đã có bán :

NHÀ BÊN KIA
của Đỗ-Đức-Thu giá 0$65
Thân-thế và văn-chương
TÚ MỠ
do Lê-Thanh viết giá 0$60
EM LÀ GÁI BÊN SONG CỬA
của Lưu Trọng-Lư giá 1$50
VIỆT SỬ GIAI THOẠI
của Đào-Trinh Nhất giá 2$00
Khảo-cứu về
TIẾNG VIỆT NAM
của Trà-Ngân giá 2$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI
của Dương-Ngà giá 3$00
KIM TỰ THÁP
của Phan-Quang-Định giá 2$
NỬA ĐÊM
của Nam Cao giá 2$00
Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 - Rue Takou — Hanoi

« CHẲNG THÀ »

(*Tiếp theo trang 7*)

Nhân nói đến đây tôi xin lỗi độc-giả *Tri tân* đã làm phí mất mấy cột báo để bàn về những chữ mà độc-giả đã biết cả. Tuy là chữ dễ nghĩa không ai nhầm, nhưng tôi tưởng cũng nên trả lời cho đủ, một là để cho tiếng ta khỏi mắc phải cái nạn « nguyên bản lỗ », hai là để cho từ giờ trở đi may ra bàn-luận được thành-thực và có phương-pháp, ba là cho *Thanh-niên* đừng đăng những bài có thể làm mất giá-trị tờ báo quốc-văn.

Có lẽ cả bài của *Thanh-niên* chỉ có câu này là nghe được: « Học thêm, thì bao giờ tôi cũng không đám xao-lãng. Nhưng mà, tiên-sinh quên, không nhắc tôi tu đức ». Tôi quên thật, nay đã nhắc tôi, tôi sao lại câu này của tác-giả chỉ trích một « bạn » đồng-nghiệp ở Sài-gòn, để tác-giả hiểu tôi lấy « đức-độ ». Tác-giả viết ở *Thanh-niên*, số 25, ngày 19-2-1944, trang 7, cột 2 (mục *Thấy dân nói đó*) một câu rằng « Vô-... mà ông bạn đã... *đốt* tiếng Việt đến thế » !

Đấy! thế mới biết hai câu tôi đã lấy trước (*Tri-tân*, số 136) chẳng ngoa tí nào. Hai câu ấy là câu chuyện mình thì quáng, và câu Thử sợ lên gáy. Còn vài câu nữa cần gì không tiện, nhưng chắc độc-giả đã biết cả...

Ứng hộ NGUYỄN VĂN-TỐ

(1) Chữ bồ-côi của ta thường cắt nghĩa là không cha mẹ, do chữ cô của Tàu; chữ bồ-côi ở câu này phải cắt nghĩa là không cả cha mẹ lẫn con, do chữ cô - độc. Người ta thường chê người không con là cô-độc, cho nên câu này cũng vất nghĩa là nghèo ăn mày, còn hơn là giàu mà không con.

(2) Lần trước tôi đã nói rằng theo các nhà chuyên khảo về khoa ngôn-ngữ, tiếng nước nào cũng có lối chắp chữ như lối « chẳng thà »; nhưng tiếng Âu - châu phần nhiều đã bỏ bớt chữ « chẳng » (ne, v. v.) cho hợp lý, do vài nhà văn xướng lên trước, được công-chúng hưởng-ứng, sau có người làm sách đại thành mẹo.

Rồi có ngày tiếng ta cũng phải sửa lại như thế; hiện giờ đã có người viết câu « Cấm nhổ bậy », nhưng vẫn có người nói « Cấm không được nhổ bậy »; tục ngữ cũng có câu « Cấm giả lệnh giả thị, ai cấm người mạng bị nói khoác ».

Chữ « thà » và « chẳng thà » thì hơi khó sửa, vì dân-gian hiện còn nhiều câu dùng cả hai chữ, thí dụ: « Thà nhịn đói nằm co, chẳng thà ăn no đi mền » nghĩa là thà đói nằm co, còn hơn là ăn no mà phải đi làm, ý nói người lười; — lại câu « Thà đau ngắt, chẳng thà giắt răng », nghĩa là thà chịu đau quá lắm, còn hơn là bị vật gì mắc vào kẽ răng, v. v. Sách tục-ngữ và sách tập đọc tiếng ta chép nhiều lắm, sao cả-ra đây, có lẽ phải vài trang báo (cũng là không kể những câu truyền khẩu, mà chưa có sách nào chép). Câu nào cũng đặt chữ « thà » ở trên, chữ « chẳng thà » ở giữa; câu nào cũng dịch cả hai chữ là « đành thế », « còn hơn ». Cả câu này cũng vậy, « Nuôi con không dạy không răn, chẳng thà nuôi lợn mà ăn lấy lòng », Vi-Huyền-Đắc chép là « Nuôi con chẳng dạy chẳng răn, Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng », tuy là chép khác, nhưng cùng một nghĩa.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Hãy quyển sách mới trong « Tủ sách xã-hội » Tân Việt

Đã có bán

CHÍNH TRỊ ĐẠI CƯƠNG

của NGUYỄN PHƯƠNG NAM — Giá 3$70

— phân tích rõ ràng các phương pháp tổ chức chính trị — giải thích và bình luận những vấn đề thiết yếu trong chính trị học hiện đại — trình bày giản dị những chính thể đã thực hiện và những đường đi của hiến pháp

Đang in: **CHỦ-NGHĨA TAM DÂN**

Ở Hànội sách chỉ bán tại

TÂN-VIỆT, 29, LAMBLOT — HANOI

Sắp phát hành

VƯƠNG DƯƠNG MINH

của PHAN VĂN HÙM

— Một quyển sách quý trong « Tủ sách triết học » Tân Việt — Một tác phẩm khảo về thân thế và học thuyết Vương Dương Minh mà ta có thể tự phụ rằng từ xưa đến nay chưa có quyển nào được rành mạch hơn.

Sách dày ngót 600 trang, có 3 bức địa đồ và 10.000 chữ Hán — Bìa litho 5 màu. (Vì giấy khan nên chỉ in có 500 quyển)

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

CHÍNH CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 25

Tiếng nói to quá làm Trần-Phi giật mình tỉnh giấc ngồi nhỏm giậy, ngơ ngác nhìn, toan chạy Vân-Côi giơ kiếm chỉ:

— Ngồi im đấy! hễ chạy là bỏ mạng

Trần Phi sợ xanh mặt run lật-bật, ngồi lùi nép xuống cuối giường. Đoàn-Văn vẫn nhìn vua Chương-Võ thong thả nói:

— Vâng! cháu chịu tiếng giả tâm, hèn nhát vậy, chỉ vì cháu muốn nói truyện riêng với bác, không muốn làm ồn-ào cho cả ba quân đều biết. Tuy vậy vẫn không giả tâm, hèn nhát bằng kẻ dặt mưu giết bạn, lại giả dối truyền bố việc nạp mỹ-nhân chỉ là một kế vừa lòng bên địch, còn thì giam cầm mỹ nhân riêng một nơi, thế mà thực ra đêm nào cũng la cà yến ẩm với mỹ-nhân như thế này!

Như con hổ bị tên, vua Chương-Võ hung-hăng đi lại bên phía giường, rồi đứng phắt ngay lại trước mặt Đoàn-Văn hỏi gắt:

— Vậy anh muốn làm gì ta?

Đoàn công tử điềm-nhiên và lạnh lùng đáp:

— Tức là bác đã biết! Giết người tất phải đền mạng, lại còn giả dối lừa người nữa, thì tội nặng lắm. Nhưng dây báo thù cho cha, chắn vẫn còn nhớ đến ơn bác!

Vậy cháu xin bác chọn lấy cách chết

Chàng quay lại đưa mắt nhìn Vân-Côi, Nghĩa-sĩ liền để lên bàn một tấm lụa và một lọ thuốc độc rồi nói:

— Tâu điện-hạ, xin điện-hạ gia ơn nhận những sinh lễ này, cho lũ tiểu-tướng khỏi phải nài ép!

Vua Chương-Võ quát!

Kiếm! Phải cho ta kiếm!

Vân-Côi nói:

— Những bậc tráng-sĩ đã làm ô danh ngọn kiếm, tất không được dùng kiếm nữa.

Vua Chương-Võ giận chửi:

— Đồ súc sinh! Đồ chó má! Vào lừa lúc người ta ngủ, lại không dám để kiếm lên đây, vẫn sợ người ta! Hèn mạt!

Vân-Côi cười tiếp:

— Dạ! bẩm điện-hạ vâng ạ! Nhưng để cho một người không đáng cầm mà cầm kiếm, tức là phạm tội bất minh. Vả...

Nhưng Đoàn-Văn gạt đi ngắt lời:

— Thôi được! Bác đã muốn, ta cứ để kiếm ra cho bác, ta muốn để cho bác giữ được danh dự. Bác không muốn thế. Thì đây đủ cả *tam ban triều điển*.

Vân-Côi vâng lời, cầm cây kiếm để lên bàn, Vua Chương-Võ cầm tốt lấy múa lùi lại giường toan phóng kiếm giết Trần-phi nhưng Vân-Côi nhanh tay gạt được ngọn kiếm đỡ cho Trần-Phi và đẩy nàng ra ngồi đứng nép sau Đoàn công-tử. Ngài quăng kiếm xuống chân công-tử, rồi hằn-học, tức giận đội mắt đỏ ngầu chừng-chừng nhìn khắp lượt ba người một lúc lâu. Im lặng, tất cả cung đều im-lặng. Không một tiếng nói, không một tiếng động. Người đều như tượng gỗ cả. Chỉ con mắt là còn linh động. Nhìn mãi như trút hết sự bực rọc hằn-hạc ra hết những người đứng đấy, vua Chương-Võ từ từ cởi áo ra, rồi nhanh-nhẹn, ngài cất rốn đánh phập một cái, rút từng cuộn từng cuộn ruột ra rồi đến dạ dầy, lá lách, đội mắt vẫn ngầu-ngầu nhìn mọi người cho đến khi khuỵ xuống đầu nghiêng gục lên vai. Đoàn-Văn và Vân-Côi vội khiêng ngài đặt nằm lên trên giường rất ngay ngắn như người nằm ngủ vậy.

Xong công việc nghĩa-sĩ Vân-Côi ở lại trong chính-cung canh gác và giữ cả Trần-Phi lại, không cho lộ truyện, còn công tử Đoàn-Văn tất tưởi đi ra, về lầu tìm công-tử Thịnh-Nguyên và công-tử Hỏa-Đao. Chàng để công-tử Hỏa-Đao đứng cách ở ngoài cung, thân dẫn công-tử Thịnh-Nguyên đi sang điện «Hiền-Chính» tìm Kim-Vân công-chúa.

VI

Đêm khuya vắng vẻ, bốn bề im lặng như không, hai chàng vào đến trong chính-điện làm cho Kim-Vân công-chúa kinh ngạc tưởng là ma quỷ vào trêu. Giây lát, nàng

tỉnh ngủ và định thần hỏi có vẻ không bằng lòng:

— Việc gì vậy?

Đoàn-Văn tự nhiên đáp

— Bác bảo sang tìm chị sang bàn một việc quan trọng.

— Sao lại sai cả anh?

Độ khoảng giờ Hợi, bác cho gọi chúng tôi sang nói truyện. Đến bây giờ bác bảo đi tìm chị:

— Việc gì mà cần thế?

— Chúng tôi cũng không biết, bác bảo chờ chị sang rồi mới nói, Vì bác hơi mệt.

Kim-Vân ăn mặc gọn gàng, rồi theo hai chàng đi sang cung. Giời lạnh, đêm càng tĩnh-mịch. Kim-Vân đi gần sát hai chàng, và, khẽ nói:

— Làm sao em thấy rờn rợn là! Hay là có việc gì chẳng lành!

Thịnh-Nguyên vội nói:

— Không chị ạ, chị vừa ngủ giậy ra lạnh nó thế đấy.

Kim-Vân nói nho nhỏ:

Em sờ-sợ là ấy!

Vào đến cung, Kim Vân vượt lên trước đi dảo qua hành-lang thẳng vào chính-tẩm, hai chàng phải chạy theo cho kịp. Đến nơi, đẩy cửa vào, thấy có Trần-Phi và một người lính đứng đấy, nàng không để ý gì đến, đi thẳng vào giường. Nhìn thấy cảnh tượng thảm thương ấy, nàng đâm bổ lên giường ôm chầm lấy cha mà khóc suốt mướt thảm thiết. Qua cơn cảm-động chua xót ấy, nàng vùng đứng giậy, mắt đẫm lệ ngẩn-ngẩn nhìn quanh quất. Nàng hiểu hết sự thế, hầm-hầm hỏi:

— Sao vậy?

Đoàn-Văn đềm nhiên đáp:

— Bác tự sát!

Kim-Vân đứng ngay người lên, chống mạnh tay vào hông, mặt đầy sát khí, nóng tiết nói rít lên:

— Các anh giết người! Giết một người cô thế, không phòng-bị! Ta phải giết các anh!

Đoàn-Văn bình-tĩnh thong-thả đáp:

— Chị bẩy bớt nóng, để tôi nói rõ đầu đuôi đã!

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được của nhà Tân Dân hai cuốn sách:

1) Đàn bà mới của Vũ-đình-Long kịch bà hồi, bản thường giá 2$.

2) Bùi-hàng Bích của Trúc Khê — loại danh nhân truyện kỳ đăng trong Phổ thông chuyên san giá 1$20

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn.

TRI TÂN

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THỐNG SỬ

Giá 5$00

Sắp phát hành

Lược-luận về PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Luận-lý DU-THUYẾT YẾU THUẬT

LỊCH-SỬ BÁO-CHÍ hoàn cầu

NGHỆ-THUẬT và DANH-GIÁO

mua sách, đặt sách, xin viết chở

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Tientsin Hanoi

Thư-xã Alexandre de Rhodes

MỚI XUẤT BẢN

LỤC VÂN TIÊN

Quyển nhất

bản dịch của Dương-quảng Hàm, Pháp-văn và Việt-văn đối chiếu, kèm tranh ảnh của Mạnh-Quỳnh

sách dày 250 trang khổ 17×23

bản thường 4$00 cước 0$60

bản giấy lăng 10$00 cước 1$20

Tổng phát hành

MAI-LINH

21 rue des Pipes

Hanoi

TỦ SÁCH «TÂN VĂN HÓA»

—HÀN-THUYÊN PHÁT HÀNH—

5-5-4 SẼ CÓ BÁN:

XÃ HỘI VIỆT NAM

LƯƠNG ĐỨC THIỆP biên khảo

Nguồn gốc xã hội Việt-nam — Lịch sử tiến hóa của dân Việt-nam — Giải thích các kiến trúc kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội Việt-nam — Con đường phát triển hiện thời của xã hội Việt nam.

Dày hơn 400 trang giá 8$50

SẮP XUẤT BẢN

PHÊ BÌNH

= VẠN CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU =

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Hàn thuyên

7 — Tiên-tsin — HANOI

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại

Loại thường bán 6$00 cước 0$17

Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

Quảng-Vạn-Thành *phát hành sắp in xong*

ĐỜI ĐOÀN-THỂ

của Hải-Tùng — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta, có 17 mục: 1· Tư-đức và Công-đức — 2· Cá-nhân và Xã-hội — 3· Xã-hội và các loại xã-hội — 4· Xã hội muốn đứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì? — 5· Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6· Vì đâu quan-niệm về xã hội của người Việt-Nam không được chính sác? — 7· Quan-niệm về xã-hội không được chính-sác gây ra những tê-hại gì? 8· Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào? — 9· Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10· Tinh-thần hợp tác. — 11· Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12· Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13· Tôn trọng việc công và của công. — 14· Giữ lễ — 15· Làm việc cho xã-hội. — 16· Lòng bác-ái. — 17· Đảng cơ-quan bảo dựng nền công đức ở xã-hội ta. *Giá bán lẻ 2$00*

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20·/· cước phí không phải chịu.

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do *Quảng-vạn-Thành* phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kíp viết thư thương-lượng, không lại nhỡ như quyển *Văn liệu Từ-điển* nằm ngoài, có vị biết đến thì đã hết rồi

Cùng các nhà văn, — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hàng-ngũ quân-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ, tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-hào hạ cố tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do: Quảng-Vạn-Thành V

16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi